|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số: 234/BC-CP |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong năm 2022**

Kính gửi: Quốc hội khóa XV.

Năm 2022 là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2021 - 2025 với những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen. Tình hình thế giới biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường, nhiều vấn đề chưa có tiền lệ, vượt dự báo khi xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022;… đã tác động sâu rộng, nhiều mặt đến đời sống quốc tế. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi rất cơ bản, nền kinh tế phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đến từ cả những yếu tố bên ngoài và bên trong. Từ nửa đầu quý IV, đã phát sinh những diễn biến phức tạp liên quan đến thị trường tiền tệ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng khoán, bất động sản; đồng thời, xuất hiện tình trạng doanh nghiệp trong một số lĩnh vực phải thu hẹp sản xuất kinh doanh, cắt giảm lao động, nghỉ luân phiên... tạo sức ép lớn đối với công tác chỉ đạo, điều hành.

Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự chủ động, tích cực, đồng hành, phối hợp chặt chẽ của Quốc hội và các cơ quan trong hệ thống chính trị, sự nỗ lực, bền bỉ phấn đấu, ủng hộ tích cực của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã bám sát Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các Nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của Quốc hội để chỉ đạo, điều hành đúng hướng, quyết liệt, thống nhất, bài bản, khoa học, linh hoạt, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm. Nhờ đó, tình hình KTXH nước ta năm 2022 phục hồi tích cực, đạt những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây viết tắt là “THTK, CLP”) được đẩy mạnh và phát huy trên nhiều lĩnh vực, góp phần huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, vật lực, tài lực, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của đất nước.

Chính phủ báo cáo kết quả THTK, CLP trong năm 2022 và nhiệm vụ, giải pháp THTK, CLP năm 2023 như sau:

**Phần I**

**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã khẩn trương xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch điều hành phù hợp với tình hình thực tế; quyết liệt chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên tất cả các lĩnh vực nhằm huy động, quản lý, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả các nguồn lực đẩy nhanh quá trình phục hồi KTXH, phát triển bền vững; thực hiện nghiêm các quy định của Luật THTK, CLP. Một số kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành như sau:

1. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển KTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, đề ra phương châm hành động *“Đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển”* với 6 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo, điều hành, 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển KTXH. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2022, đề ra 08 nhiệm vụ trọng tâm, 06 nhóm giải pháp chủ yếu về THTK, CLP trong các lĩnh vực, nhằm phát huy cao nhất mọi nguồn lực hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng, phát triển kinh tế, ổn định đời sống của nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội. Các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước (viết tắt là bộ, ngành, địa phương) đã ban hành và thực hiện tốt chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các nghị quyết của Chính phủ và Chương trình THTK,CLP năm 2022 của bộ, ngành, địa phương mình, theo quy định của Luật THTK, CLP. Tuy nhiên, còn một số đơn vị chưa ban hành (như: Tổng Công ty Cà phê Việt Nam; Tổng Công ty lương thực miền Bắc) và chậm ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2022, (như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành 26/5/2022, tỉnh Sóc Trăng ban hành 09/5/2022, TP. Hồ Chí Minh ban hành 27/7/2022, Tổng công ty Thép Việt Nam ban hành 19/5/2022, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành 16/5/2022, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ban hành 5/5/2022, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam ban hành 30/5/2022...).

2. Triển khai Nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương nghiêm túc thực hiện và đạt được kết quả tích cực: đã thực hiện rà soát, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định liên quan đến THTK, CLP; thực hiện triệt để tiết kiệm chi NSNN; tăng cường thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các hành vi gây thất thoát, lãng phí trong quản lý, sử dụng nguồn vốn NSNN, tài sản công, đất đai, khoáng sản... Triển khai Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 theo đó các nội dung của Nghị quyết đã được thể chế hóa thành công việc trọng tâm của Chính phủ năm 2023 và giai đoạn 2023-2025.

3. Công tác xây dựng pháp luật, hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật là một trong những nhiệm vụ trọng tâm chỉ đạo, điều hành để thực hiện một trong ba đột phá chiến lược theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 về Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị *(Phụ lục I kèm theo)*; tập trung chỉ đạo quyết liệt, dành nhiều thời gian, nguồn lực cho công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật **[[1]](#footnote-1)**; hoàn thành khối lượng lớn các nhiệm vụ xây dựng pháp luật theo Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị, Chương trình xây dựng pháp luật năm 2022 và chuẩn bị cho các năm tiếp theo; nâng cao năng lực phản ứng chính sách, nhận diện, tháo gỡ, xử lý nhiều vướng mắc, điểm nghẽn từ thực tiễn, góp phần quan trọng vào phục hồi, phát triển KTXH.

4. Trong điều hành, Chính phủ nhất quán mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Theo đó, đã triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả nhiều nhiệm vụ, giải pháp, phối hợp chặt chẽ chính sách tiền tệ chắc chắn, chủ động, linh hoạt, hiệu quả với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách vĩ mô khác, bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, cân bằng, hài hòa, hợp lý giữa tỷ giá và lãi suất, giữa tăng trưởng và lạm phát; chấn chỉnh, xử lý kịp thời những sai phạm, bất cập về tín dụng, ngân hàng, các thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản. Chỉ đạo điều hành tăng trưởng tín dụng hướng vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên tạo động lực tăng trưởng. Đã phê duyệt Đề án cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025; quyết liệt xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém. Khai thác hiệu quả các dư địa thu, tăng thu NSNN; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách.

5. Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đã khẩn trương chỉ đạo ban hành và triển khai Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, đẩy nhanh tiến độ các dự án, công trình kết cấu hạ tầng quan trọng quốc gia. Thành lập 06 Tổ công tác của Thủ tướng để kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công; khởi công 12 dự án thành phần cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, Dự án cầu Rạch Miễu 2, Đường vành đai phía Tây Thành phố Cần Thơ, Nhà ga T3 Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất... Chủ động có kế hoạch và giải pháp cụ thể tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thi công, thanh toán vốn cho dự án ngay khi có khối lượng nghiệm thu theo quy định. Rà soát, chấn chỉnh, có giải pháp xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn và đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đi đôi với bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn ODA, chống lãng phí, thất thoát, tham nhũng.

6. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp triển khai công tác đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của doanh nghiệp nhà nước (DNNN), trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong phát triển KTXH. Tập trung chỉ đạo, khẩn trương tổ chức triển khai Kế hoạch sắp xếp lại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025 **[[2]](#footnote-2)** và Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại DNNN. Đẩy mạnh công tác sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN; phê duyệt Đề án Cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu đến năm 2025, cơ bản hoàn thành việc sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu khối DNNN, bảm bảo nguồn thu từ cơ cấu lại DNNN trong giai đoạn 2021 - 2025.

7. Kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, giảm cấp trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Ban hành các nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ của các bộ, cơ quan trên nguyên tắc kiên quyết tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất các tổ chức không đáp ứng tiêu chí, điều kiện thành lập, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lắp, giảm đầu mối bên trong, cấp trung gian. Tiếp tục chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, cải cách hành chính, xây dựng chính phủ điện tử, chuyển đổi số, khơi thông các động lực cho phát triển KTXH. Chỉ đạo quyết liệt và triển khai hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

8. Hoàn thiện đồng bộ chủ trương, chính sách để quản lý, sử dụng hiệu quả, phát huy nguồn lực tài nguyên, chuyển đổi xanh và chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chính phủ đã chỉ đạo và hoàn thành tổng kết 02 Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị về đất đai, khoáng sản, tập trung sửa đổi Luật Đất đai năm 2013 trình Quốc hội; tích cực triển khai Quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Chỉ đạo các bộ, ngành thực hiện các giải pháp phát triển, đảm bảo sử dụng hài hòa và bền vững nguồn nước, phòng chống lũ, hạn hán, xâm nhập mặn. Công tác bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng; hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó, kịp thời khắc phục hậu quả, giảm thiểu thiệt hại do bão lũ gây ra.

9. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả quan trọng. Đã đẩy nhanh tiến độ điều tra, xử lý các vụ án kinh tế, tham nhũng và được dư luận đồng tình, ủng hộ; chú trọng xác minh, áp dụng các biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản ngay từ giai đoạn điều tra, không để tẩu tán, hợp pháp hóa tài sản tham nhũng; khuyến khích người phạm tội tự nguyện giao nộp tài sản tham nhũng, khắc phục hậu quả thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra **[[3]](#footnote-3)**. Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được tăng cường, tập trung thanh tra một số lĩnh vực có nguy cơ cao phát sinh tham nhũng **[[4]](#footnote-4)**, xử lý kỷ luật nghiêm đối với những tổ chức, cá nhân vi phạm.

\* Đánh giá chung: Năm 2022, mặc dù bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều khó khăn, thách thức nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự đồng hành của Quốc hội, sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự vào cuộc kịp thời của các cấp, các ngành và sự ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp và người dân, tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát tốt, KTXH có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực: đã đạt và vượt 13/15 chỉ tiêu chủ yếu, trong đó chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng GDP năm 2022 tăng 8,02%, cao nhất trong 10 năm qua và vượt xa mục tiêu đề ra (6 - 6,5%), lạm phát được kiềm chế ở mức dưới 4% như mục tiêu Quốc hội đề ra, tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm giai đoạn 2021 - 2025. Bên cạnh những kết quả đạt được, nước ta còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức và hạn chế, bất cập: kinh tế vĩ mô còn chưa ổn định vững chắc; sức ép lạm phát tăng; các thị trường tài chính, tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp, chứng khoán, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; giải ngân vốn đầu tư công, nhất là vốn ODA còn chậm; công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước chưa có nhiều chuyển biến; việc xử lý các ngân hàng yếu kém và các dự án, doanh nghiệp kém hiệu quả còn nhiều khó khăn, vướng mắc... Tồn tại, hạn chế nêu trên ngoài nguyên nhân khách quan, còn có những nguyên nhân chủ quan, như: công tác phân tích, dự báo, phản ứng chính sách của một số cơ quan chức năng và sự phối hợp giữa một số bộ, ngành, địa phương chưa được quan tâm đúng mức, chưa theo kịp yêu cầu đề ra; một số cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, chưa thực sự vào cuộc, chưa phát huy hết thẩm quyền, chức trách, nhiệm vụ được giao; một bộ phận cán bộ, công chức năng lực còn yếu, còn hiện tượng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm người đứng đầu ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương...

**Phần II**

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THTK, CLP**

**I. THTK, CLP TRONG VIỆC BAN HÀNH, THỰC HIỆN ĐỊNH MỨC, TIÊU CHUẨN, CHẾ ĐỘ**

Chính phủ tập trung hơn cho công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong các ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực phản ứng chính sách, khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật đáp ứng yêu cầu thực tiễn phòng, chống dịch, tháo gỡ điểm nghẽn, nút thắt, khó khăn, vướng mắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh, khơi thông nguồn lực thúc đẩy phục hồi, phát triển KTXH. Trong năm 2022, Chính phủ đã trình Quốc hội 23 dự án luật, dự thảo Nghị quyết; Quốc hội thông qua 18 dự án, dự thảo (12 luật, 06 nghị quyết), cho ý kiến đối với 14 dự án luật và dự kiến sẽ được thông qua tại kỳ họp tiếp theo. Chính phủ đã tổ chức 08 Phiên họp chuyên đề về pháp luật, chính sách, xem xét, cho ý kiến, thông qua 39 đề nghị xây dựng luật, dự án luật; ban hành 38 văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh; 106 nghị định; Thủ tướng Chính phủ ban hành 29 quyết định quy phạm pháp luật.

Các bộ, ngành, địa phương quan tâm, chú trọng triển khai quyết liệt, đạt nhiều kết quả tích cực trong công tác xây dựng pháp luật; đề cao kỷ luật hành chính, xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc để xảy ra tình trạng chậm tiến độ và không bảo đảm chất lượng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL); tăng cường tham vấn chính sách, pháp luật, nhất là sự tham gia phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp và người dân trong quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra và hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL. Hệ thống pháp luật, tiêu chuẩn, định mức chế độ trong các lĩnh vực ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, đồng bộ hơn theo hướng minh bạch, dễ tiếp cận, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Các bộ, ngành đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền 602 văn bản quy phạm pháp luật, các địa phương đã ban hành 7.465 văn bản QPPL **[[5]](#footnote-5)** liên quan đến tiêu chuẩn, định mức, chế độ mới; trong đó gần 177 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến THTK,CLP trong các lĩnh vực như tài chính - ngân sách, y tế, giáo dục, giao thông- vận tải, xây dựng, tài nguyên - môi trường... *(Phụ lục II kèm theo)*, điển hình như: Bộ Tài chính đã trình cấp có thẩm quyền và ban hành 124 văn bản QPPL và tiêu chuẩn định mức về tài chính - ngân sách; Bộ Xây dựng đã ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng, hoàn thành quy hoạch 12 bộ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ngành Xây dựng để điều tiết các lĩnh vực quản lý của ngành, trong năm 2022 đã ban hành 03 quy chuẩn **[[6]](#footnote-6)**; tiếp tục soạn thảo 02 quy chuẩn **[[7]](#footnote-7)**; đang soát xét, sửa đổi và biên soạn mới 02 quy chuẩn **[[8]](#footnote-8)**; hoàn thành kế hoạch biên soạn hệ thống tiêu chuẩn quốc gia ngành Xây dựng đến năm 2030 và biên soạn toàn bộ các tiêu chuẩn thuộc bộ tiêu chuẩn cốt lõi ngành Xây dựng theo định hướng mới và đã ban hành 103 tiêu chuẩn... Hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam được bổ sung, mức độ hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế được nâng lên, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, đến năm 2022 có khoảng 13.500 tiêu chuẩn Việt Nam bao trùm hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế, tỷ lệ hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, khu vực đạt trên 60%.

Công tác rà soát văn bản QPPL được chú trọng, thực hiện thường xuyên, kịp thời, bảo đảm thời gian theo quy định. Qua rà soát, các bộ, ngành đã phát hiện, tự xử lý và đề xuất phương án xử lý cụ thể đối với các quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không phù hợp với thực tiễn trong các lĩnh vực **[[9]](#footnote-9)**. Công tác thẩm định, kiểm tra, xử lý văn bản QPPL luôn được chú trọng, nâng cao về chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm, thực hiện kịp thời, góp phần nâng cao chất lượng dự án, dự thảo, bảo đảm sự phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Trong năm 2022 đã kiểm tra theo thẩm quyền 11.962 văn bản QPPL (các bộ, ngành 7.949 văn bản QPPL, các địa phương 4.013 văn bản QPPL) **[[10]](#footnote-10)**. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tiếp tục có nhiều chuyển biến, ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất hơn; Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản QPPL giai đoạn 2022-2027 **[[11]](#footnote-11)**; thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, các Kế hoạch, Đề án phổ biến, giáo dục pháp luật khác **[[12]](#footnote-12)**.

\* Tồn tại, hạn chế: có dự án luật phải lùi thời hạn trình Quốc hội **[[13]](#footnote-13)**, có dự án luật chưa bảo đảm chất lượng **[[14]](#footnote-14)**; tình trạng nợ đọng, chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh chưa được khắc phục triệt để **[[15]](#footnote-15)**. Một số quy định pháp luật còn chưa đồng bộ, thống nhất, khả thi, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn; phản ứng chính sách trong một số trường hợp còn bị động, chưa kịp thời; một số bất cập trong cơ chế, chính sách tuy đã được phát hiện nhưng còn chậm được sửa đổi, bổ sung thuộc các lĩnh vực: NSNN và công sản, xây dựng, đấu thầu, đầu tư công,... **[[16]](#footnote-16)**.

**II. THTK, CLP TRONG LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ TOÁN, QUYẾT TOÁN, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**1. Về quản lý, điều hành ngân sách nhà nước (NSNN)**

Nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2022 được triển khai trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19; với độ mở nền kinh tế lớn, nền kinh tế vẫn còn những tồn tại, hạn chế và đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; áp lực kiểm soát lạm phát gia tăng; hoạt động sản xuất kinh doanh của một số lĩnh vực còn khó khăn; giải ngân vốn đầu tư công chậm;... tác động không thuận lợi đến việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển KTXH và tài chính - NSNN năm 2022. Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, giám sát chặt chẽ của Quốc hội, sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; nền kinh tế tiếp tục phục hồi và đạt được kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực; kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo; hệ số tín nhiệm quốc gia tiếp tục được cải thiện **[[17]](#footnote-17)**.

Thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế; Chính phủ đã khẩn trương ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, với 05 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để thực hiện Chương trình. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP, Chính phủ, các bộ ngành, địa phương đã chủ động, nỗ lực xây dựng và thực hiện nhiệm vụ được giao, đã ban hành 17 văn bản (gồm: 06 Nghị định **[[18]](#footnote-18)**; 05 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ **[[19]](#footnote-19)**; 03 Thông tư; 03 văn bản hướng dẫn theo thẩm quyền của các Bộ: Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường) để cụ thể hóa các chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân bước đầu đã phát huy tác dụng; thực hiện, giải ngân các chính sách hỗ trợ thuộc Chương trình sơ bộ trong năm 2022 giải ngân đạt hơn 78,3 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 26% tổng số vốn của Chương trình **[[20]](#footnote-20)**.

Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương thực hiện tốt chính sách tiền tệ chắc chắn, chủ động, linh hoạt, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, hài hòa với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác; bảo đảm sự cân bằng, hài hòa, hợp lý giữa tỷ giá và lãi suất, giữa tăng trưởng và lạm phát. Qua đó, kết quả thu NSNN năm 2022 thực hiện đạt 1.815,5 nghìn tỷ đồng, tăng 403,8 nghìn tỷ đồng (+28,6%) so dự toán, trong đó: Thu ngân sách trung ương (NSTW) tăng 195,8 nghìn tỷ đồng so dự toán, thu ngân sách địa phương (NSĐP) tăng 207,9 nghìn tỷ đồng so dự toán **[[21]](#footnote-21)**. Thực hiện chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí 89,6 nghìn tỷ đồng; gia hạn thuế, phí và tiền thuê đất 110,67 nghìn tỷ đồng để hỗ trợ sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH theo các văn bản đã ban hành cuối năm 2021 **[[22]](#footnote-22)** có hiệu lực trong năm 2022.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện quyết liệt, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp THTK, CLP trong các lĩnh vực, góp phần huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phục hồi và phát triển kinh tế; trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm như: Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách; thực hiện quyết liệt các giải pháp chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, thu hồi nợ thuế; kiểm soát chặt chẽ bội chi NSNN; quán triệt quan điểm triệt để tiết kiệm các khoản chi NSNN (kể cả chi đầu tư và chi thường xuyên); tiếp tục tái cơ cấu lại NSNN, giảm chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển (một số địa phương có kết quả tốt trong tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ như: Hà Nội 3.140 tỷ đồng, Nghệ An 298 tỷ đồng, Bình Dương 214 tỷ đồng, Hòa Bình 135 tỷ đồng, Lâm Đồng 147 tỷ đồng, Long An 201 tỷ đồng...). Tiếp tục quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ;... Để đảm bảo nguồn lực thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế, Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định phương án sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, cắt giảm và nguồn còn lại của NSTW năm 2021, trong đó bổ sung 6.840 tỷ đồng thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế **[[23]](#footnote-23)**. Đồng thời, yêu cầu các bộ, ngành, địa phương triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết; kiên quyết cắt giảm những khoản chi NSTW đã được giao trong dự toán đầu năm nhưng đến ngày 30/6/2022 chưa phân bổ để bổ sung nguồn lực thực hiện Chương trình **[[24]](#footnote-24)**. Tổng hợp số cắt giảm của các bộ, cơ quan trung ương được khoảng 716,9 tỷ đồng.

Nhờ chủ động trong điều hành, các nhiệm vụ chi NSNN năm 2022 đã cơ bản hoàn thành mục tiêu đề ra, kết quả thực hiện dự toán chi NSNN năm 2022 ước đạt 2.168,4 nghìn tỷ đồng, tăng 352,3 nghìn tỷ đồng (+19,4%) so dự toán, trong đó: chi đầu tư phát triển ước đạt gần 648,3 nghìn tỷ đồng, tăng 16,3% so dự toán; chi trả nợ lãi ước đạt 94,8 nghìn tỷ đồng, giảm 8,6% so dự toán; chi thường xuyên ước đạt 1.101,9 nghìn tỷ đồng, giảm 0,8% so dự toán. Các nhiệm vụ chi ngân sách được thực hiện theo dự toán, đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước và thanh toán các khoản nợ đến hạn, đảm bảo kinh phí phòng, chống dịch, các nhiệm vụ chi an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng hưởng lương, lương hưu và trợ cấp xã hội từ NSNN. Trong điều hành đã sử dụng 15,84 nghìn tỷ đồng dự phòng ngân sách Trung ương để bổ sung kinh phí cho các bộ, cơ quan trung ương (8,43 nghìn tỷ đồng) và hỗ trợ cho các địa phương (7,41 nghìn tỷ đồng) đảm bảo xử lý các nhiệm vụ cấp bách phát sinh theo đúng quy định của Luật NSNN. Tính đến ngày 31/12/2022, NSNN đã bổ sung 4.361 tỷ đồng cho 32 địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ (lũy kế đến nay đã cấp 4.389 tỷ đồng cho 38 địa phương); đã thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất tín dụng (2%) cho các Ngân hàng thương mại và Ngân hàng chính sách xã hội là 859 tỷ đồng. Bên cạnh đó, đã thực hiện xuất cấp 30,37 nghìn tấn gạo dự trữ quốc gia để khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, cứu trợ, cứu đói cho nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán và giáp hạt đầu năm. Tổng số tiết kiệm kinh phí, vốn nhà nước năm 2022 (như: tiết kiệm chi thường xuyên; tiết kiệm chi quản lý hành chính; tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa; tiết kiệm trong đầu tư xây dựng...) là 53.887 tỷ đồng **[[25]](#footnote-25)**, một số địa phương có kết quả cao trong tiết kiệm kinh phí ngân sách như: Bộ Quốc phòng 2.556tỷ đồng, Bộ Công an 1.896 tỷ đồng, Bộ Tài chính 328 tỷ đồng, Hà Nội 5.868 tỷ đồng, Vĩnh Phúc 1.855 tỷ đồng, Bình Dương 338 tỷ đồng,... *(Phụ lục III kèm theo)*. Việc triển khai, thực hiện hiệu quả các giải pháp THTK, CLP đã góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ tài chính NSNN năm 2022; đáp ứng kịp thời, đầy đủ các nhiệm vụ chi phát triển KTXH, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước và thanh toán các khoản nợ đến hạn.

\* Tồn tại, hạn chế: Mặc dù tổng thể tiến độ thu NSNN đạt khá, song một số khoản thu, địa bàn đạt thấp, nhất là thu từ hoạt động sắp xếp lại DNNN (ước thực hiện cả năm thu 2,8 nghìn tỷ đồng, trên tổng số 30 nghìn tỷ đồng dự toán). Số nợ thuế của doanh nghiệp tiếp tục có xu hướng tăng (tổng số nợ thuế nội địa ước đến thời điểm cuối năm 2022 là 122.918 tỷ đồng, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2021). Tình trạng gian lận, trốn thuế, quản lý thu thuế đối với các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử, kinh doanh xuyên biên giới vẫn còn diễn biến phức tạp. Công tác triển khai phân bổ chi NSNN chậm, nhất là các nhiệm vụ chi thuộc Chương trình phục hồi, Chương trình mục tiêu quốc gia, giao chi tiết các nguồn vốn thuộc kế hoạch năm 2022 của một số bộ, ngành, địa phương. Nguyên nhân do: Hoạt động sản xuất kinh doanh của một bộ phận doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, giá xăng dầu và các nguyên liệu đầu vào tăng cao, nhiều doanh nghiệp phát sinh nợ thuế; công tác cổ phần hóa, sắp xếp lại doanh nghiệp chậm; một số bộ, ngành, địa phương chưa chủ động trong công tác chuẩn bị triển khai dự toán chi NSNN được giao, nhất là chi đầu tư phát triển; việc áp dụng các chế tài xử lý đối với các cơ quan, đơn vị để xảy ra chậm, muộn trong phân bổ dự toán ngân sách còn chưa nghiêm.

**2. Về quản lý nợ công**

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược nợ công đến năm 2030 và phê duyệt các công cụ quản lý nợ công chủ động **[[26]](#footnote-26)** làm cơ sở điều hành công tác quản lý nợ năm 2022 và định hướng trong các năm tiếp theo; chỉ đạo các bộ, ngành xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nợ công, tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra giám sát việc huy động, quản lý, sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi theo quy định. Qua đó, giúp công tác quản lý nợ công được thực hiện chặt chẽ và về cơ bản đã đáp ứng được các mục tiêu đề ra, tổ chức huy động vốn với chi phí thấp gắn liền với mức độ rủi ro hợp lý cho đầu tư phát triển KTXH, thực hiện xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đảm bảo khả năng trả nợ; đồng thời thúc đẩy phát triển thị trường vốn trong nước; tiếp tục tái cơ cấu nợ công, đảm bảo an toàn nợ công và an ninh tài chính quốc gia. Tính đến hết năm 2022, ước quy mô nợ công của Việt Nam bằng khoảng 3.619 nghìn tỷ đồng, tương đương 38% GDP đánh giá lại, giảm so với mức 43,1% GDP năm 2021; cơ cấu nợ công, nợ Chính phủ tiếp tục được cải thiện theo kế hoạch vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 và định hướng Chiến lược nợ công đến năm 2030 đã đề ra. Đối với nợ Chính phủ, dư nợ trong nước tiếp tục xu hướng tăng về tỷ trọng, chiếm khoảng 70% dư nợ Chính phủ, chủ yếu là trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn phát hành dài; nợ nước ngoài chủ yếu vẫn là vay ODA, vay ưu đãi có thời hạn dài, góp phần giảm thiểu rủi ro tỷ giá, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội **[[27]](#footnote-27)**, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quản lý nợ công 03 năm giai đoạn 2022-2024 và kế hoạch vay, trả nợ công năm 2022 **[[28]](#footnote-28)**, kế hoạch huy động vốn của Chính phủ năm 2022 tối đa 673.546 tỷ đồng **[[29]](#footnote-29)**. Mục tiêu của Chính phủ phấn đấu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2022 đạt 95-100% kế hoạch, giải ngân 100% vốn ngân sách địa phương (NSĐP), giải ngân tối thiểu 50% vốn Chương trình phục hồi và phát triển KTXH được giao **[[30]](#footnote-30)**, yêu cầu tổng khối lượng huy động vốn vay của Chính phủ năm 2022 khoảng 619.492 tỷ đồng. Uớc thực hiện huy động vốn của Chính phủ năm 2022 tối đa 272.000 tỷ đồng (40,4% kế hoạch), trong đó huy động vốn vay trong nước chiếm khoảng 79,0%, chủ yếu thông qua phát hành trái phiếu Chính phủ. Việc giảm huy động trái phiếu Chính phủ sẽ giảm dư nợ công, dư nợ Chính phủ, tuy nhiên vẫn đảm bảo đủ nguồn bù đắp nhu cầu bội chi và trả nợ gốc. Ngoài ra, đánh giá rút vốn vay nước ngoài năm 2022 khoảng 57.000 tỷ đồng **[[31]](#footnote-31)**; bên cạnh đó để tạo nguồn lực cho các năm tiếp theo, Bộ Tài chính đã hoàn thành đàm phán, ký kết 03 hiệp định vay nước ngoài với tổng giá trị dự kiến khoảng 178,5 triệu USD chủ yếu từ các nguồn Chính phủ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức.

\* Tồn tại, hạn chế: Giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt yêu cầu, tiến độ đề ra, nhất là đối với vốn ODA, ưu đãi nước ngoài; còn nhiều dự án sử dụng vốn ngoài nước triển khai chậm, dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện và làm tăng phần phí cam kết phải trả trên số vốn chưa giải ngân; áp lực tăng vay, điều kiện thị trường vốn quốc tế và trong nước không thuận lợi dẫn đến mặt bằng lãi suất tăng, phản ứng chính sách của các nước cũng gây sức ép giảm giá đồng Việt Nam, ảnh hưởng nghĩa vụ trả nợ; hệ thống pháp luật trong nước có nhiều thay đổi đáng kể dẫn đến sự khác biệt ngày càng tăng giữa quy định của nhà tài trợ và quy định pháp luật trong nước, nhất là về vấn đề thuế, quyền miễn trừ đối với bên cho vay, đấu thầu, ký hợp đồng thương mại,...

**3. Công tác đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, cơ chế tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập**

Tiếp tục quán triệt thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó trọng tâm là tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức sắp xếp, giảm đầu mối, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN; tăng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính ở mức cao hơn, giảm chi trực tiếp từ NSNN cho các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành Công ty cổ phần. Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và ban hành Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 về phương án phân loại tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong năm 2022; Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Việc ban hành các văn bản giúp tạo hành lang pháp lý trong việc đổi mới nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; các quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập từng bước được hoàn thiện theo hướng đẩy mạnh giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

Đến nay, cả nước đã giảm 7.469 đơn vị sự nghiệp công lập (đạt 13,5%) so với năm 2016. Trong năm 2022 kinh phí từ NSTW cấp cho các bộ, cơ quan trung ương thực hiện chính sách tinh giản biên chế là 578,68 tỷ đồng; biên chế trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2021 là 247.722 biên chế, giảm 27.504 biên chế (tương ứng giảm 10,01% so với năm 2015), vượt mục tiêu giảm tối thiểu 10% theo Nghị quyết của Đảng; biên chế sự nghiệp năm 2021 là 1.789.585 người, giảm 236.366 biên chế (tương ứng giảm 11,36% so với năm 2015) **[[32]](#footnote-32)**, vượt mục tiêu giảm tối thiểu 10% theo Nghị quyết của Đảng;...

Kết quả tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ tài chính theo chế độ quy định của các bộ ngành, địa phương năm 2022 là 3.494 tỷ đồng, một số đơn vị có kết quả cao như: Bộ Giao thông vận tải là 157 tỷ đồng, Bộ Giáo dục và Đào tạo là 25,1 tỷ đồng, TP. Hà Nội là 1.173 tỷ đồng, TP. Hồ Chí Minh là 1.220 tỷ đồng...

**4. Về thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG)**

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt cụ thể nội dung, nhiệm vụ, tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực thực hiện 03 CTMTQG giai đoạn 2021-2025 **[[33]](#footnote-33)**, phê duyệt nguyên tắc, tiêu chí, định mức, phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng của NSĐP thực hiện từng CTMTQG **[[34]](#footnote-34)**. Chính phủ, các bộ, cơ quan Trung ương đã ban hành 69 văn bản quy định cơ chế quản lý, hướng dẫn thực hiện 03 CTMTQG **[[35]](#footnote-35)** quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các CTMTQG; 52/52 địa phương được hỗ trợ từ NSTW đã ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN thực  hiện các CTMTQG **[[36]](#footnote-36)**.

Về cân đối vốn thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 và năm 2022: Tổng vốn NSTW của 03 CTMTQG đã được Quốc hội quyết nghị thông qua: giai đoạn 2021-2025 **[[37]](#footnote-37)** là 191.956,848 tỷ đồng (gồm: Vốn đầu tư phát triển 100.000 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 91.956,848 tỷ đồng) **[[38]](#footnote-38)**; năm 2022 **[[39]](#footnote-39)** là 18.049 tỷ đồng (gồm: Vốn ĐTPT 8.000 tỷ đồng, vốn thường xuyên 10.049 tỷ đồng) **[[40]](#footnote-40)**.

Về tình hình phân bổ, giao kế hoạch vốn NSTW thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2021-2025: Thực hiện Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 CTMTQG **[[41]](#footnote-41)**. Trong tháng 5/2022 Chính phủ đã giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 CTMTQG là 92.057,86 tỷ đồng, chiếm 92% kế hoạch và đã giao chi tiết, dự toán vốn NSTW năm 2022 cho 03 CTMTQG là 34.049 tỷ đồng (trong đó: Vốn đầu tư phát triển 24.000 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 10.049 tỷ đồng). Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương là cơ quan chủ quản CTMTQG thực hiện phân bổ và giao dự toán thực hiện các CTMTQG cho các đơn vị, các cấp sử dụng ngân sách trực thuộc trước ngày 01/7/2022 đảm bảo đúng quy định của pháp luật; lũy kế thanh toán từ đầu năm đến ngày 31/12/2022 là 9.085 tỷ đồng (đạt 37,8% kế hoạch), ước thanh toán từ đầu năm đến 31/01/2023 là 13.760 tỷ đồng (đạt 57,28% kế hoạch).

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 và Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Chính phủ đã ban hành Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 -2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 12/10/2021 triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 của Quốc hội; hệ thống cơ chế, chính sách giảm nghèo ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, tạo điều kiện cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm nghèo bền vững, hạn chế tác động của thiên tai, dịch bệnh. Để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, ngay từ đầu năm 2022, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương bố trí ngân sách để tiếp tục tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ các chương trình, cơ chế, chính sách giảm nghèo cho người dân theo quy định; đồng thời, phối hợp với Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huy động nguồn lực cho công tác giảm nghèo, thực hiện phong trào thi đua “Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”. Trong năm 2022, NSNN đã ưu tiên bố trí 8.620 tỷ đồng để triển khai thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 **[[42]](#footnote-42)**.

- Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới (NTM): Thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư CTMTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 về việc triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội và phê duyệt ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2021-2025. Trong năm 2022 các bộ, ngành trung ương đã ban hành 24 văn bản pháp lý và ban hành theo thẩm quyền 70 văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, đã hoàn thành trình cấp có thẩm quyền phân bổ 100% vốn đầu tư công và 2.050 tỷ đồng vốn nước ngoài được giao bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của Chương trình cho các địa phương.

Lũy kế đến hết năm 2022, cả nước có 6.009/8.225 xã (73,06%) đạt chuẩn NTM (tăng 4,8% so với cuối năm 2021), trong đó, có 937 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (tăng 434 xã so với cuối năm 2021) và 110 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (tăng 67 xã so với cuối năm 2021). Có 255 đơn vị cấp huyện thuộc 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM, tăng 42 đơn vị so với cuối năm 2021 (chiếm khoảng 39,6% tổng số đơn vị cấp huyện của cả nước). Trong tổng số 18 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 100% số xã đạt chuẩn NTM **[[43]](#footnote-43)**, có 05 tỉnh (Nam Định, Đồng Nai, Hà Nam, Hưng Yên và Hải Dương) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

- Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030: Thực hiện Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bảo dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng của NSĐP thực hiện CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Tổng dự toán kinh phí thực hiện Chương trình là 14.617 tỷ đồng **[[44]](#footnote-44)**. Ủy ban Dân tộc triển khai xây dựng chương trình, kế hoạch công tác đồng thời rà soát, tổng hợp nhu cầu vốn và cam kết giải ngân vốn đầu tư công năm 2021-2022 **[[45]](#footnote-45)**; đề xuất sử dụng khoản viện trợ không hoàn lại 17,5 triệu USD từ Quỹ Đối tác Giáo dục toàn cầu GPE và khoản vay 150 triệu USD từ vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Thế giới để huy động nguồn lực bổ sung thực hiện Chương trình.

Tồn tại, hạn chế: Việc triển khai thực hiện CTMTQG còn chậm làm giảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, ảnh hưởng đến mục tiêu của các chương trình. Tại Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2023: *“Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư và sự nghiệp của NSTW trong nước năm 2022 (bao gồm cả kế hoạch năm 2021 đã được kéo dài sang năm 2022) của 03 CTMTQG đã được UBTVQH phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 chưa giải ngân đến hết ngày 31/12/2023”*. Chính phủ đã chỉ đạo nghiên cứu sửa đổi 2 nghị định liên quan đến điều hành thực hiện CTMTQG [[46]](#footnote-46).

**5. Về Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do trung ương quản lý**

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội **[[47]](#footnote-47)**; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, cơ quan Trung ương tập trung thực hiện rà soát, tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động các quỹ, đẩy nhanh hoàn thiện căn cứ pháp lý, sắp xếp, đổi mới cơ chế hoạt động, sáp nhập, giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, tăng cường kiểm tra, giám sát, công khai, nâng cao hiệu quả hoạt động các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (TCNN). Các bộ, cơ quan trung ương cũng đã chủ động rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các Quỹ TCNN thuộc phạm vi quản lý; xây dựng lộ trình cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động, hoặc giải thể đối với các quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục tiêu đề ra, hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển KTXH, trùng lặp về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ, hoặc không có khả năng độc lập về tài chính, trùng lặp nguồn thu, nhiệm vụ chi với NSNN; rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong việc quản lý, sử dụng các Quỹ TCNN để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

Hiện nay, có 24 Quỹ TCNN do các bộ, cơ quan trung ương thành lập hoặc được giao quản lý **[[48]](#footnote-48)**. Đến tháng 9/2022, đã có 05 Quỹ TCNN do trung ương quản lý được giải thể, 01 quỹ chuyển nhiệm vụ chi thành nhiệm vụ chi NSNN **[[49]](#footnote-49)**; 11 quỹ đã và đang hoàn thiện trình cấp thẩm quyền xem xét điều chỉnh văn bản pháp luật quy định việc quản lý, sử dụng quỹ **[[50]](#footnote-50)**.

Ước thực hiện kế hoạch tài chính năm 2022 các Quỹ TCNN: Tổng nguồn vốn phát sinh của các quỹ là 514 nghìn tỷ đồng, tăng 0,8% (04 nghìn tỷ đồng) so kế hoạch; tổng sử dụng nguồn vốn của các quỹ là 446,8 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5% so kế hoạch; Chênh lệch thu, chi các quỹ là 67,2 nghìn tỷ đồng; dự kiến số dư các quỹ cuối năm 2022 khoảng 1.254,1 nghìn tỷ đồng (trong đó số dư của 03 quỹ do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý chiếm 90,2% tổng số dư các quỹ).

**III. THTK, CLP TRONG MUA SẮM, SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ LÀM VIỆC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG KHU VỰC NHÀ NƯỚC; QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG**

Đến hết năm 2022, Chính phủ đã ban hành 19 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 01 Quyết định, 01 Chỉ thị, Bộ Tài chính đã ban hành theo thẩm quyền 12 Thông tư hướng dẫn thi hành Luật (trong đó: năm 2022, Chính phủ ban hành 02 Nghị định **[[51]](#footnote-51)** và Bộ Tài chính ban hành theo thẩm quyền 03 Thông tư **[[52]](#footnote-52)**), tạo cơ sở pháp lý để quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm tài sản công; ngăn chặn, đẩy lùi thất thoát, lãng phí, tham nhũng và những hành vi khác xâm phạm tài sản công; khai thác tài sản công hợp lý, hiệu quả gắn với việc huy động các nguồn lực của xã hội cùng Nhà nước đầu tư phát triển, khai thác tài sản công để tạo lập nguồn lực tài chính vào phát triển KTXH, tái cơ cấu NSNN; từng bước chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa công tác quản lý tài sản công, phát triển dịch vụ về tài sản công theo cơ chế thị trường trên cơ sở đảm bảo quyền sở hữu toàn dân về tài sản. Ngoài ra, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ký ban hành 04 Đề án xây dựng VBQPPL **[[53]](#footnote-53)** nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Việc tổ chức thực hiện các quyết định về hình thành, sử dụng, khai thác và xử lý tài sản công thuộc trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công; Chính phủ phân cấp thẩm quyền quyết định theo nguyên tắc “tài sản cấp nào do cấp đó quyết định”. Đến nay, các Bộ, ngành, địa phương đã ban hành quy định về phân cấp trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định nêu trên, trừ một số cơ quan trung ương không có các đơn vị cấp dưới: Văn phòng Chủ tịch nước, Trung ương Hội cựu chiến binh Việt Nam.

Công tác quản lý, mua sắm tài sản công tại các bộ, ngành và địa phương năm 2022 tiếp tục chuyển biến, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm. Trong năm 2022, các bộ, ngành, địa phương đã mua mới 228 chiếc xe ô tô, 33 phương tiện vận tải khác và 9.971 máy móc thiết bị chuyên dùng; lũy kế từ năm 2016 đến ngày 31/12/2022, cả nước đã mua mới 4.192 xe ô tô công, 183 phương tiện vận tải khác và 29.853 máy móc, thiết bị.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công tiếp tục được cập nhật vận hành có hiệu quả, tính đến ngày 31/12/2022, tổng nguyên giá tài sản công đã cập nhật là 1.777.122,53 tỷ đồng, cụ thể: Đối với tài sản là quyền sử dụng đất 1.123.845,70 tỷ đồng, tài sản là nhà 453.373,25 tỷ đồng; tài sản là vật kiến trúc 41.718,54 tỷ đồng; tài sản là ô tô 26.010,89 tỷ đồng; tài sản là phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô) 1.142,47 tỷ đồng; tài sản là máy móc, thiết bị 105.534,04 tỷ đồng, tài sản là cây lâu năm, súc vật làm việc: 290,09 tỷ đồng; tài sản cố định hữu hình khác16.995,08 tỷ đồng; tài sản cố định vô hình 8.191,78 tỷ đồng; tài sản cố định đặc thù 30,70 tỷ đồng.

Tính đến ngày 31/12/2022, tổng số tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã nhập là 64.822 tài sản, với tổng nguyên giá 3.895.798 tỷ đồng, giá trị còn lại 3.034.693 tỷ đồng; tổng chiều dài các tuyến đường, cầu đường đã nhập là 464.745,007 km **[[54]](#footnote-54)**; tổng số tài sản là công trình nước sạch nông thôn đã nhập là 15.652 công trình, tổng giá trị 34.807 tỷ đồng **[[55]](#footnote-55)**.

**IV. THTKCLP TRONG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, ĐẦU TƯ CÔNG; QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, NHÀ Ở CÔNG VỤ VÀ CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI CÔNG CỘNG**

**1. THTK, CLP trong đầu tư xây dựng, đầu tư công**

Ngay từ đầu năm 2022, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt giải ngân vốn đầu tư công, nhất là trong bối cảnh yêu cầu phục hồi nhanh, phát triển bền vững KTXH; đã có nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành **[[56]](#footnote-56)**, tổ chức 03 hội nghị trực tuyến toàn quốc **[[57]](#footnote-57)**. Đồng thời, đã thành lập 06 tổ công tác **[[58]](#footnote-58)** để thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022. Nhằm phấn đấu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2022 đạt 95-100% kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao, Chính phủ đã thảo luận, thống nhất ban hành Nghị quyết về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công cuối năm 2022 **[[59]](#footnote-59)**. Cải cách thể chế về đầu tư công tiếp tục được quan tâm, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ và hoàn chỉnh để nâng cao hiệu lực công tác quản lý hoạt động đầu tư và sử dụng vốn đầu tư công, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai dự án, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công. Rà soát, chấn chỉnh, có giải pháp xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn và đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đi đôi với bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn ODA, chống lãng phí, thất thoát, tham nhũng. Thực hiện công khai giải ngân vốn đầu tư công, công tác quyết toán dự án hoàn thành vốn đầu tư công năm 2021 của các bộ, ngành, địa phương.

­­­­­Tổng kế hoạch vốn đầu tư công nguồn NSNN năm 2022 là 734.411,955 tỷ đồng(vốn trong nước là 694.129,441 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 40.282,51 tỷ đồng) **[[60]](#footnote-60)**. Gồm: Kế hoạch vốn các năm trước chuyển sang năm 2022 là 50.401,416 tỷ đồng(vốn trong nước là 44.918,903 tỷ đồng, vốn nước ngoài là5.482,514 tỷ đồng); Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2022 là684.010,538 tỷ đồng(vốn trong nước là 649.210,538 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 34.800 tỷ đồng), trong đó: Kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao là580.046,834 tỷ đồng (bao gồm: vốn NSTW là 275.940,939 tỷ đồng, vốn NSĐP là 304.105,895 tỷ đồng); Kế hoạch vốn nước ngoài chưa được Thủ tướng Chính phủ giao là 214,414 tỷ đồng; Kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương năm 2022 các địa phương giao tăng so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao là 103.749,290 tỷ đồng.

Lũy kế thanh toán cả năm 2022 là 564.316,264 tỷ đồng, đạt 76,86% kế hoạch, trong đó: Lũy kế thanh toán từ đầu năm đến 31/12/2022 vốn kế hoạch các năm trước kéo dài sang năm 2022 là 34.854,330 tỷ đồng (đạt 69,15%) và lũy kế thanh toán từ đầu năm đến 31/01/2023 vốn kế hoạch năm 2022 là 529.461,934 tỷ đồng, đạt 77,43% kế hoạch (683.796,124 tỷ đồng **[[61]](#footnote-61)**) và đạt 91,28% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (580.046,834 tỷ đồng), cùng kỳ năm 2021 đạt 78,08% kế hoạch và đạt 95,11% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Có 11/51 Bộ và 11/63 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt trên 90% kế hoạch **[[62]](#footnote-62)**; có 31/51 Bộ và 18/63 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới 75% kế hoạch **[[63]](#footnote-63)**.

Về công tác giải ngân và quyết toán dự án đầu tư công hoàn thành: Trong năm 2022, có 85.020 dự án vốn đầu tư công hoàn thành được tổng hợp trong báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành vốn đầu tư công năm 2021, với giá trị tổng mức đầu tư được duyệt 1.709.426 tỷ đồng, gồm:

- 55.214 dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán (chiếm 64.94% số dự án hoàn thành) với giá trị tổng mức đầu tư được duyệt 474.281 tỷ đồng và giá trị quyết toán được phê duyệt 365.474 tỷ đồng (trong đó 6.231 dự án vi phạm thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán, chiếm 11% dự án đã phê duyệt); qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, cơ quan thẩm tra quyết toán ở bộ, ngành, địa phương đã loại ra khỏi giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 9.300 tỷ đồng (chiếm 2,48% tổng giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán) **[[64]](#footnote-64)**.

- 29.806 dự án hoàn thành chưa được phê duyệt quyết toán, trong đó có 10.363 dự án vi phạm thời gian quyết toán, chủ yếu do các chủ đầu tư chưa nộp quyết toán là 8.289 dự án (chiếm 79,9% số dự án vi phạm chưa được quyết toán).

***Tiến độ triển khai, thực hiện dự án đầu tư lớn, trọng điểm quốc gia:***

*\* Dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020:* Đến ngày 16/12/2022 công tác GPMB đã cơ bản hoàn thành, chỉ còn một số công trình hạ tầng kỹ thuật đang di dời. Về thi công xây dựng, tổng giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành đạt khoảng 34.005,59/57.756,44 tỷ đồng (58,9% giá trị hợp đồng, chậm 4,5%) **[[65]](#footnote-65)**. Tổng nguồn vốn NSNN tham gia thực hiện Dự án là 78.461 tỷ đồng, đến nay đã bố trí cho Dự án trong kế hoạch hàng năm là 48.536,2 tỷ đồng (trong đó kế hoạch năm 2022 là 16.034,398 tỷ đồng); kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 còn lại chưa giao kế hoạch năm cho Dự án là 29.933,702 tỷ đồng. Lũy kế vốn NSNN giải ngân đến ngày 31/01/2023 là 46.871,8 tỷ đồng, đạt 70,7% tổng kế hoạch được giao (trong đó thuộc kế hoạch năm 2022 là 15.068,9 tỷ đồng, đạt 94% kế hoạch năm 2022 được giao).

*\* Dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025:* Bộ Giao thông vận tải đã phê duyệt đầu tư 12 dự án thành phần và được chia thành 25 gói thầu để thực hiện chỉ định thầu theo quy định **[[66]](#footnote-66)**. Các địa phương đã cơ bản hoàn thành công tác trích đo tại thực địa đạt 100% và công tác kiểm kê tài sản trên đất đạt 93,2%; đang tích cực triển khai xây dựng khu tái định cư, đã duyệt phương án đền bù, GPMB và tổ chức thực hiện GPMB bảo đảm khởi công dự án theo quy định. Tổng kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã giao cho Dự án 119.644,586 tỷ đồng **[[67]](#footnote-67)** và đã phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn và 9.521,3 tỷ đồng kế hoạch năm 2022 cho từng dự án thành phần. Tổng số vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2023 là 9.409,2 tỷ đồng (đạt 93,3% kế hoạch vốn năm 2022).

*\* Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành:* Tổng mức đầu tư của Dự án là 22.856 tỷ đồng **[[68]](#footnote-68)**, tổng lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 là 22.855,035 tỷ đồng **[[69]](#footnote-69)**. Đến thời điểm 31/12/2022 dự án đã giải ngân 16.697,647 tỷ đồng (đạt 73% kế hoạch đã giao).

*\* 03 dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc (Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột; Biên Hòa - Vũng Tàu; Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng):* Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư 03 dự án trên **[[70]](#footnote-70)**, 03 dự án được chia thành 10 dự án thành phần và Chính phủ ban hành Nghị quyết để triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội **[[71]](#footnote-71)**; Thủ tướng Chính phủ quyết định giao Bộ Giao thông vận tải là cơ quan chủ quản của 02/10 dự án thành phần, 08/10 dự án thành phần còn lại phân cấp cho các địa phương nơi có dự án đi qua làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư **[[72]](#footnote-72)**. Bộ Giao thông vận tải đã hoàn thiện phương án phân bổ vốn cho các dự án thành phần của 03 dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang tổng hợp báo cáo Chính phủ trình Uỷ ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi giao kế hoạch trung hạn cho các cơ quan chủ quản để thực hiện đầu tư các dự án thành phần. Ngày 16/11/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư mới trình Chính phủ có ý kiến về việc điều chỉnh giảm 8.528 tỷ đồng (trong đó 7.324 tỷ đồng của 03 dự án trên) nguồn vốn thuộc Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế xã hội từ Bộ Giao thông vận tải để điều chỉnh tăng tương ứng về cho các địa phương để thực hiện các dự án thành phần của các dự án đường cao tốc.

\* Tồn tại, hạn chế: Công tác lập kế hoạch đầu tư vốn NSNN của một số dự án chưa sát với khả năng thực hiện, dẫn đến không phân bổ được hết kế hoạch vốn được giao, còn tình trạng “vốn chờ dự án đủ thủ tục”, dự kiến vốn trước rồi mới tiến hành làm thủ tục đầu tư hoặc thực hiện các thủ tục gia hạn Hiệp định, dẫn tới kéo dài thời gian bố trí vốn đối với dự án sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công còn thấp so với kế hoạch được giao, đặc biệt là nguồn vốn Quốc hội bổ sung cho Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, chưa tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, còn một số Bộ, ngành, địa phương giải ngân dưới 50% kế hoạch năm 2022 như: Uỷ ban dân tộc (1,92%), Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (3,56%), Viện Khoa học công nghệ Việt Nam (10,02%), Bộ Tư pháp (21,59%), Đại học Quốc gia Hà Nội (31,54%), Bộ Ngoại giao (32%), Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (32,1%), Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (38,19%), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (39,71%), Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam (41,03%), Bộ Giáo dục và Đào tạo (43,21%), Bộ Công Thương (47,98%), Hội Nông dân Việt Nam (48,62%) và Thành phố Hồ Chí Minh (49,17%). Nguyên nhân, do năm 2022 là năm thứ hai triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (thực chất là năm đầu tiên triển khai do kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 mới được Quốc hội thông qua vào tháng 7/2021), là năm các bộ, địa phương bắt đầu khởi công mới nhiều dự án nên thông thường cần từ 6 đến 8 tháng hoàn tất thủ tục nên tiến độ giải ngân vốn của những dự án khởi công mới chỉ được đẩy mạnh vào những tháng cuối năm; giá nguyên, nhiên vật liệu, xăng dầu trong những tháng đầu năm 2022 tăng cao, có tình trạng khan hiếm nguồn cung về cát, đất để san lấp mặt bằng... dẫn đến nhà thầu trúng thầu, ký hợp đồng trọn gói thi công cầm chừng, có tâm lý chờ cập nhật, điều chỉnh, công bố giá và chỉ số giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng theo tháng phù hợp với diễn biến giá thị trường. Quá trình hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư còn hạn chế, mặc dù Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có nhiều văn bản đôn đốc, hướng dẫn để công tác chuẩn bị đầu tư tốt hơn, tuy nhiên vẫn còn chậm.

**2. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng**

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn về đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng công sở nhà nước, nhà ở công vụ được ban hành đầy đủ. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công. Để đẩy nhanh công tác sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành gửi các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, Tập đoàn kinh tế, tổng công ty **[[73]](#footnote-73)**. Công tác sắp xếp trụ sở, nhà, đất công tiếp tục được các bộ, ngành, địa phương quan tâm thực hiện, bên cạnh việc tạo nguồn tài chính thông qua sắp xếp nhà, đất góp phần chỉnh trang đô thị, đưa nhà đất vào sản xuất kinh doanh đóng góp nguồn thu lâu dài cho NSNN **[[74]](#footnote-74)**. Nhiều bộ, ngành, địa phương thực hiện tốt việc rà soát, sắp xếp và bố trí lại hệ thống trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản và quy hoạch sử dụng đất của địa phương; hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất; khai thác các diện tích dôi dư hoặc chuyển mục đích sử dụng đất để có hiệu quả cao hơn; đồng thời cũng thu hồi một phần nhà, đất dôi dư, giao lại cho chính quyền địa phương phục vụ mục đích công cộng. Đến ngày 31/12/2022, trên cơ sở đề xuất của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo thẩm quyền đối với 30.708 cơ sở nhà, đất của các bộ, cơ quan trung ương, doanh nghiệp nhà nước (trong đó có 19.247 cơ sở nhà, đất của các doanh nghiệp nhà nước).

Theo báo cáo của 11 bộ và 45 địa phương, kết quả rà soát, sắp xếp lại tài sản công là nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị do thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã giai đoạn 2019-2021: Tài sản nhà, đất trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính là 10.925 cơ sở với tổng diện tích đất 27.964.030 m2, tổng diện tích nhà 5.266.435 m2. Trong đó: giữ lại tiếp tục sử dụng 8.796 cơ sở với diện tích đất 20.458.478 m2, diện tích nhà 4.118.278m2; thu hồi 117 cơ sở với diện tích đất 170.447 m2, diện tích nhà 21.584 m2; điều chuyển 413 cơ sở với diện tích đất 630.019 m2, diện tích nhà 193.674 m2; bán 234 cơ sở với diện tích đất 416.713 m2, diện tích nhà 88.723 m2; phương án khác 297 cơ sở với diện tích đất 473.129 m2, diện tích nhà 113.129 m2; chưa xử lý 1.068 cơ sở với diện tích đất 5.815.215 m2, diện tích nhà 731.047 m2. Điển hình như: Bộ Công thương (999 cơ sở với tổng diện tích đất 2.160.332 m2, tổng diện tích nhà 337.445 m2. Trong đó: giữ lại tiếp tục sử dụng 927 cơ sở với diện tích đất 2.145.324 m2, diện tích nhà 326.247m2; thu hồi 05 cơ sở với diện tích đất 2.430 m2, diện tích nhà 995 m2; chưa xử lý 67 cơ sở với diện tích đất 12.578 m2, diện tích nhà 10.203 m2), Thanh Hóa (1.460 cơ sở với tổng diện tích đất 3.802.099 m2, tổng diện tích nhà 570.614 m2. Trong đó: giữ lại tiếp tục sử dụng 1.281 cơ sở với diện tích đất 3.383.145 m2, diện tích nhà 508.562m2; thu hồi 84.023 m2; phương án khác 179 cơ sở với diện tích đất 334.931 m2, diện tích nhà 62.052 m2), Hà Tĩnh (1.077 cơ sở với tổng diện tích đất 3.145.936 m2, tổng diện tích nhà 439.138 m2. Trong đó: giữ lại tiếp tục sử dụng 880 cơ sở với diện tích đất 2.760.029 m2, diện tích nhà 372.397m2; điều chuyển 39 cơ sở với diện tích đất 117.738 m2, diện tích nhà 27.300 m2; bán 150 cơ sở với diện tích đất 246.341 m2, diện tích nhà 36.923 m2; phương án khác 8 cơ sở với diện tích đất 21.829 m2, diện tích nhà 2.518 m2), Phú Thọ (1.012 cơ sở với tổng diện tích đất 1.714.348 m2, tổng diện tích nhà 417.390 m2. Trong đó: giữ lại tiếp tục sử dụng 734 cơ sở với diện tích đất 1.105.819 m2, diện tích nhà 269.745m2; điều chuyển 43 cơ sở với diện tích đất 57.086 m2, diện tích nhà 11.799 m2; bán 12 cơ sở với diện tích đất 24.595 m2, diện tích nhà 6.419 m2; phương án khác 50 cơ sở với diện tích đất 59.926 m2, diện tích nhà 17.046 m2; chưa xử lý 173 cơ sở với diện tích đất 466.921 m2, diện tích nhà 112.381 m2)...

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 03/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 về tiêu chuẩn diện tích, định mức trang bị nội thất nhà ở công vụ. Đến nay, cả nước có 74.759 căn, nhà (phòng) công vụ với tổng diện tích là 2.386.503 m2 **[[75]](#footnote-75)**. Trong đó: Tổng quỹ nhà ở công vụ của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương là 19.251 căn tương ứng với diện tích 1.134.737 m2 **[[76]](#footnote-76)**; Nhà ở công vụ của địa phương 55.508 căn, tương ứng với diện tích khoảng 1.251.766 m2.

\* Tồn tại, hạn chế: Công tác sắp xếp lại cơ sở nhà, đất của một số cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp nhà nước còn chậm **[[77]](#footnote-77)**; một số doanh nghiệp đã được phê duyệt phương án nhưng không thực hiện theo đúng phương án đã được phê duyệt. Quy hoạch sử dụng đất chậm được công bố, gây khó khăn cho việc sắp xếp nhà, đất và thực hiện di dời. Do đối tượng thuê nhà ở công vụ bị thu hẹp nên quỹ nhà ở công vụ của địa phương và các cơ quan Trung ương hiện nay còn dôi dư; việc đầu tư xây dựng nhà ở công vụ còn hạn chế, đặc biệt là nhà ở công vụ cho lực lượng vũ trang và nhà ở công vụ của các địa phương.

**V. THTKCLP TRONG QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN**

Năm 2022, Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện tổng kết các chủ trương, cơ chế, chính sách hiện hành và trình Trung ương, Bộ Chính trị ban hành các Nghị quyết, Kết luận về đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước **[[78]](#footnote-78)**. Hoàn thiện đồng bộ chủ trương, chính sách để quản lý, sử dụng hiệu quả, phát huy nguồn lực tài nguyên, chuyển đổi xanh và chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, tiếp tục hoàn thiện thể chế khơi thông, giải phóng tiềm năng, nguồn lực tài nguyên, giải quyết kịp thời các chồng chéo, điểm nghẽn về thể chế để huy động nguồn lực tài nguyên phục vụ phát triển KTXH của đất nước.

1. Công tác quản lý, sử dụng đất đai: Chính phủ đã triển khai hoàn thành tổng kết 02 Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị về đất đai và khoáng sản**[[79]](#footnote-79)**, tập trung sửa đổi Luật Đất đai năm 2013 trình Quốc hội cho ý kiến lần đầu tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV; Chính phủ đã ban hành Nghị quyết **[[80]](#footnote-80)** và chỉ đạo tập trung triển khai Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; lập Kế hoạch hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đảm bảo quỹ đất cho phát triển KTXH. Đến nay, đã có 554/701 đơn vị cấp huyện hoàn thành việc lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chính phủ đã trình Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quyết định chủ trương việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng và đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên của Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về trình tự, thủ tục, chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho cho Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Cần Thơ và Khánh Hòa. Năm 2022 mặc dù Chính phủ đã thực hiện các giải pháp miễn giảm, giãn hoãn thu tiền thuê đất; tuy nhiên, nguồn lực đất đai tiếp tục đóng góp quan trọng trong cơ cấu thu ngân sách quốc gia đạt 270,13 nghìn tỷ, chiếm 20,09% tổng thu nội địa.

Cả nước đã thực hiện chuyển dịch gần 20 nghìn ha đất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp; khai thác gần 30 nghìn ha đất chưa sử dụng để phát triển rừng đưa diện tích đất có rừng lên 15.440 nghìn ha, chiếm 46,59% diện tích tự nhiên của cả nước. Đã đo đạc lập bản đồ địa chính đạt trên 78% tổng diện tích tự nhiên (các loại tỷ lệ bản đồ); tỷ lệ cấp Giấy chứng nhận lần đầu đạt trên 97,4% tổng diện tích các loại đất cần cấp. Thực hiện kết nối cơ sở dữ liệu đất đai của 24/63 địa phương với Cổng thông tin dịch vụ công quốc gia; thực hiện liên thông trong thanh toán nghĩa vụ tài chính với cơ quan Thuế, tổ chức tín dụng tại 61/63 tỉnh, thành phố. Kiểm tra xử lý thu hồi, hủy bỏ chủ trương đầu tư đối với các dự án chậm triển khai, chậm đưa đất vào sử dụng với diện tích trên 10 nghìn ha. Đã chấn chỉnh hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất, rà soát xử lý tình trạng lãng phí, đất đai để hoang hóa (năm 2018, cả nước có 141.922 ha đất của các dự án chậm triển khai, để lãng phí; đến nay cả nước còn 27.968 ha).

Tập trung chỉ đạo, đôn đốc các địa phương và các công ty nông, lâm nghiệp thực hiện hoàn thành công tác rà soát, cắm mốc đối với phần đất giữ lại. Đến nay, cả nước có 52 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh, trong đó có 34 tỉnh/thành phố có nhu cầu xây dựng Đề án “Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng” (Đề án), 18 tỉnh, thành phố còn lại báo cáo đã cơ bản sắp xếp xong nên không xây dựng Đề án mà thực hiện quản lý đất đai thường xuyên theo quy định. Hiện nay, có 28/34 tỉnh xây dựng và phê duyệt Đề án **[[81]](#footnote-81)** (trong đó có 06 tỉnh đang triển khai thực hiện nhiệm vụ của Đề án **[[82]](#footnote-82)**). Đã thực hiện điều tra, thống kê tình trạng quản lý, sử dụng quỹ đất các nông, lâm trường bàn giao về địa phương của 55 tỉnh; đang triển khai, thực hiện hạng mục “Tích hợp dữ liệu địa chính đối với toàn bộ diện tích đất có nguồn gốc từ các nông lâm trường vào cơ sở dữ liệu đất đai Trung ương”.

\* Tồn tại, hạn chế: Vẫn còn tình trạng lãng phí đất đai như đất đai của các dự án chậm đưa vào sử dụng, để hoang hóa... Khiếu kiện liên quan đến đất đai có xu hướng giảm so với trước đây nhưng vẫn chiếm tỷ lệ lớn (11 tháng đầu năm tiếp nhận 3.011 lượt đơn khiếu nại, tố cáo, tranh chấp thuộc lĩnh vực đất đai, chiếm 96,97%). Việc triển khai số hóa dữ liệu đất đai còn chậm mới hoàn thành ở 31% số đơn vị hành chính cấp huyện. Vi phạm trong quản lý, sử dụng đất đai còn xảy ra ở nhiều nơi: năm 2022 ngành Tài nguyên và Môi kiểm tra xử lý thu hồi, hủy bỏ chủ trương đầu tư đối với các dự án chậm triển khai, chậm đưa đất vào sử dụng với diện tích trên 10 nghìn ha. Tại các địa phương, qua công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và xử lý nhiều vụ việc vi phạm, gây lãng phí đất đai, như: Bắc Ninh thu hồi 807.355,5 m2 đất; Đắk Lắk thu hồi 0,4 ha đất, Quảng Nam phát hiện sai phạm 148.355,7 m2 đất, Vĩnh Phúc thu hồi 18,77 ha đất...

2. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước: Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành tăng cường công tác điều tra cơ bản, đánh giá hiện trạng tài nguyên nước quốc gia, thực hiện các giải pháp phát triển nguồn nước, phòng chống lũ, hạn hán, xâm nhập mặn, đảm bảo sử dụng hài hòa và bền vững nguồn nước. Tập trung xây dựng Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long, sông Hồng - Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thúc đẩy các hoạt động hợp tác về quản lý nguồn nước xuyên biên giới thông qua hợp tác Mê Công và Mê Công - Lan Thương; tổng kết thi hành và sửa đổi Luật Tài nguyên nước... Tập trung triển khai các chủ trương, giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia trong bối cảnh 63% lượng nước xuất phát từ bên ngoài lãnh thổ; hoàn thành, công bố báo cáo tài nguyên nước quốc gia (lần đầu) và Đề án bảo vệ nước dưới đất ở các đô thị lớn; ban hành các quy định và triển khai công bố danh mục các ao, hồ, không được san lấp và công bố các khu vực bảo vệ nguồn nước. Hoàn thành xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên nước, giám sát khai thác, sử dụng. Thực hiện kinh tế hóa, thúc đẩy sử dụng tài nguyên nước hiệu quả thông qua cấp quyền khai thác tài nguyên nước (năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân với số tiền là 1.426 tỷ đồng **[[83]](#footnote-83)**). Công tác điều tra tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước đã hoàn thành toàn bộ các dạng công tác điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất. Đã công bố giá trị dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu đối với 642 hồ chứa, đập dâng của 582 công trình thủy lợi, thủy điện **[[84]](#footnote-84)**. Chủ động nghiên cứu đề xuất giải pháp tổng thể để thực hiện chủ trương, chính sách trong quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn nước sông Mê Công.

\* Tồn tại, hạn chế: tài nguyên nước còn sử dụng lãng phí, hiệu quả sử dụng tài nguyên nước còn thấp so với các nước trong khu vực nhất là trong nông nghiệp. Tình trạng thiếu nước, hạn hán, thiên tai sẽ còn tiếp diễn nghiêm trọng, tác động tiêu cực đến phát triển KTXH và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Tình trạng vi phạm quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước vẫn còn xảy ra (kết quả qua thanh tra, kiểm tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường: thực hiện 07 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 44 tổ chức, qua thanh tra đã xử phạt hành chính với số tiền là 8,7 tỷ đồng).

3. Quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản: Chính phủ ban hành Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 22/7/2022 về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và đề nghị xây dựng Luật Khoáng sản (sửa đổi); Chính phủ chỉ đạo triển khai công tác lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; thực hiện tổng kết chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, cơ bản tháo gỡ được vướng mắc về nguồn vật liệu đất đắp nền đường cho Dự án xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông.

Đã hoàn thành lập bản đồ địa chất và các bản đồ chuyên đề kèm theo tỷ lệ 1:50.000 trên diện tích nhóm tờ 1.215 km2; đã phát hiện, khoanh định và đánh giá triển vọng khoáng sản như đất hiếm hấp phụ ion trong vỏ phong hóa ở khu vực bờ phải Sông Hồng, thuộc tỉnh Lào Cai - Yên Bái; vàng khu vực Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu...; đã phát hiện 03 điểm khoáng sản basalt dạng cột, trụ làm đá ốp lát và vật liệu xây dựng; 01 điểm puzlan làm phụ gia cho xi măng và đăng ký 01 điểm di sản địa chất... Công tác thẩm định, giải quyết hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản luôn bám sát và tuân thủ quy định của pháp luật, đã ban hành 104 Giấy phép Quyết định về cấp phép hoạt động khoáng sản và đóng cửa mỏ khoáng sản **[[85]](#footnote-85)**, hoàn chỉnh hồ sơ khoanh định 08 khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ tại 06 tỉnh **[[86]](#footnote-86)**. Nguồn thu từ khai thác khoáng sản do các tổ chức, cá nhân nộp vào NSNN là 4.115 tỷ đồng, đóng góp 1 điểm phần trăm cho tăng trưởng chung.

\* Tồn tại, hạn chế:Tài nguyên khoáng sản còn bị khai thác trái phép, chưa được chế biến sâu để mang lại hiệu quả kinh tế cao, vẫn còn tình trạng vi phạm pháp luật trong quản lý, khai thác khoáng sản: năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện 87 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 282 tổ chức, qua thanh tra đã xử phạt vi phạm hành chính số tiền 13,5 tỷ đồng, tước quyền sử dụng 02 Giấy phép khai thác của 02 tổ chức; một số địa phương phát hiện và xử lý nhiều trường hợp vi phạm về khoáng sản, như: Tây Ninh 3,03 tỷ đồng, Yên Bái 3,2 tỷ đồng, Đồng Nai 1,3 tỷ đồng, Quảng Ninh 1 tỷ đồng, Sơn La 4,4 tỷ đồng...

4. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng,tiếp tục được các bộ, ngành, cơ quan liên quan và địa phương quan tâm, chỉ đạo thực hiện; tiếp tục triển khai Kế hoạch hành động và nâng cao năng suất, chất lượng rừng; chú trọng quản lý giống, trồng rừng gỗ lớn theo hướng thâm canh, chuyển hoá rừng kinh doanh gỗ nhỏ sang gỗ lớn. Chính phủ chỉ đạo các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm đến công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng, nhất là tại các địa phương có nguy cơ cao; chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương tiếp tục hướng dẫn, thực hiện bố trí, sắp xếp, ưu tiên bố trí dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ cao về thiên tai, biên giới, di cư tự do, khu vực đặc biệt khó khăn, khu rừng đặc dụng.

Đẩy mạnh trồng, chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh và nâng cao chất lượng rừng trồng; tỷ lệ giống được kiểm soát 90%. Thực hiện Chương trình bảo vệ và phát triển rừng, trọng tâm là Đề án “Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025”; diện tích rừng trồng mới tập trung 300 nghìn ha và 116 triệu cây phân tán. Diện tích rừng trồng được chăm sóc 497 nghìn ha, diện tích khoanh nuôi xúc tiến tái sinh 165 nghìn ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 42,02% đạt mục tiêu đề ra. Sản lượng gỗ khai thác trên 35,7 triệu m3 (trong đó từ rừng trồng tập trung 19,7 triệu m3, tăng 1,3 triệu m3) **[[87]](#footnote-87)**. Các biện pháp bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng được tăng cường; ngăn chặn và xử lý kịp thời, có hiệu quả các hành vi vi phạm nên rừng được bảo vệ tốt hơn. Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng phát huy hiệu quả và đóng vai trò quan trọng trong công tác bảo vệ và phát triển rừng, thu trên 3.600 tỷ đồng (tăng 500 tỷ đồng so với năm 2021); cấp chứng chỉ rừng quản lý bền vững (FSC) 85 nghìn ha (lũy kế đến nay 399 nghìn ha).

\* Tồn tại, hạn chế: Vẫn còn tồn tại điểm nóng về phá rừng tại một số vùng trọng điểm như: Tây Bắc, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ; cháy rừng tiếp tục diễn ra; tình trạng chặt phá rừng trái phép để lấy gỗ và lấn chiếm đất vẫn còn xảy ra ở một số địa phương.

5. Công tác quản lý và bảo vệ môi trường: Chính phủ ban hành đồng bộ các văn bảnthi hành Luật Bảo vệ môi trường 2020 và tổ chức thực thi có hiệu quả. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với quan điểm phát triển kinh tế phải hài hòa với thiên nhiên, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050… Chỉ đạo xây dựng Đề án tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam, hướng tới phát triển kinh tế tuần hoàn, rác thải là tài nguyên được tái chế, tái sử dụng thay cho chôn lấp trực tiếp.

Tăng cường giám sát môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố ô nhiễm môi trường cao **[[88]](#footnote-88)**; hoàn thành xử lý triệt để 372/435 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; 91% khu công nghiệp đang hoạt động có công trình xử lý nước thải tập trung đi vào hoạt động; 90,5% khu công nghiệp có hệ thống quan trắc nước thải tự động. Đã có 11 nhà máy xử lý rác thải theo mô hình đốt rác phát điện được triển khai ở Hà Nội, Cần Thơ, TP. Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Đà Nẵng, Thái Nguyên, Phú Thọ,...với công suất trên 16 nghìn tấn/ngày, công suất phát điện 270 MW **[[89]](#footnote-89)**. Số vụ việc vi phạm pháp luật về môi trường gây ô nhiễm môi trường giảm 65,38% so với năm 2021, các ngành công nghiệp tái chế phát triển đạt mức tăng 11,3% so với năm 2021, đưa Việt Nam trở thành quốc gia đứng thứ 10 về tái chế kim loại, nhựa, giấy và thủy tinh đặt nền móng cho phát triển kinh tế tuần hoàn. Công tác bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, mở rộng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên được đẩy mạnh. Cả nước có 172 khu bảo tồn với tổng diện tích hơn 2.4 triệu ha; 09 khu vực được công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới.

\* Tồn tại, hạn chế: Sự gia tăng của chất thải, khí thải, nước thải áp lực lớn lên vấn đề môi trường sẽ chưa giảm trong thời gian ngắn; tình trạng vi phạm về môi trường vẫn còn xảy ra (Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện 12 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 170 tổ chức, qua thanh tra đã xử phạt hành chính với số tiền là 11,473 tỷ đồng).

**VI. THTK, CLP TRONG TỔ CHỨC BỘ MÁY, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ THỜI GIAN LAO ĐỘNG TRONG KHU VỰC NHÀ NƯỚC**

1. Công tác tổ chức bộ máy và biên chế: Thực hiện các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chỉ đạo xuyên suốt và quyết liệt việc rà soát, kiện toàn bộ máy; yêu cầu các bộ, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc, bảo đảm tiến độ. Chỉ đạo việc đổi mới, rà soát, tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, bảo đảm thu gọn tối đa đầu mối đáp ứng tiêu chí thành lập theo quy định, tăng cường thực hiện cơ chế tự chủ, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Các bộ, ngành trung ương giảm 17 tổng cục và tổ chức tương đương, 08 cục thuộc tổng cục và thuộc bộ, 145 vụ/ban thuộc tổng cục và thuộc bộ, 90% phòng trong vụ. Các địa phương giảm 07 sở và 711tổ chức phòng thuộc cơ quan chuyên môn UBND cấp tỉnh và cấp huyện **[[90]](#footnote-90)**. Lũy kế đến nay, 63 tỉnh/thành phố đã giảm được 2.159 tổ chức phòng và tương đương, cơ bản hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Đến nay, cả nước đã giảm 7.469 đơn vị sự nghiệp công lập (đạt 13,5%) so với năm 2016 **[[91]](#footnote-91)**.

Thực hiện Nghị quyết số 08/2021/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo rà soát, xây dựng Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Theo đó, 26/30 bộ, ngành đã trình Chính phủ hồ sơ dự thảo Nghị định và 04 bộ đề xuất trước mắt tiếp tục thực hiện theo Nghị định hiện hành **[[92]](#footnote-92)**, đến nay Chính phủ đã ban hành 21/26 nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ của các bộ, cơ quan **[[93]](#footnote-93)** theo hướng tinh gọn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy bên trong, giảm đầu mối tổ chức, giảm cấp trung gian, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lắp; kiên quyết tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất các tổ chức không đáp ứng tiêu chí, điều kiện thành lập.

Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; trình Bộ Chính trị Đề án sắp xếp đơn vị hành chính các cấp giai đoạn 2022 - 2026, định hướng đến năm 2030. Đã tập trung giải quyết số lượng người dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2022; đến nay, cấp huyện giảm được 361/706 người, đạt 51,1%; cấp xã giải quyết được 6.657/9.705 người, đạt 68,6%; đã giải quyết được 7. 956/8.448 người hoạt động không chuyên ở cấp xã, đạt 94,2%.

Bộ Chính trị đã thống nhất chủ trương giao biên chế giai đoạn 2022 - 2026 của cả hệ thống chính trị, theo đó, đến năm 2026 thực hiện giảm 5% biên chế công chức, 10% biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN. Đồng thời, bổ sung 65.980 biên chế viên chức giáo dục cho cả giai đoạn 2022 - 2026, trong đó, năm học 2022 - 2023 đã giao 27.850 biên chế viên chức giáo dục. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã chỉ đạo triển khai thực hiện khẩn trương nghiêm túc giao biên chế công chức, viên chức và tuyển dụng viên chức giáo dục bảo đảm kịp thời cho năm học mới. Tinh giản biên chế, đến nay, cả nước giảm 79.057 người (chiếm tỷ lệ 29,96% so với số biên chế công chức, viên chức giảm giai đoạn 2016 - 2021); trong đó, các bộ, ngành là 5.510 người và địa phương là 73.547 người. Điển hình các tỉnh: Thanh Hóa (4.615); Quảng Nam (3.148); Nghệ An (3.011); Lạng Sơn (2.898); Bình Phước (2.648)…

2. Công tác cải cách hành chính, thủ tục hành chính (TTHC) tiếp tục được đẩy nhanh và quyết liệt hơn. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp **[[94]](#footnote-94)**. Đồng thời, chỉ đạo xây dựng để đưa vào vận hành Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương trong điều hành, đánh giá nỗ lực cải cách quy định, cải thiện môi trường kinh doanh **[[95]](#footnote-95)**. Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, thúc đẩy số hóa, tái sử dụng dữ liệu trong công tác giải quyết TTHC để giảm bớt yêu cầu người dân xuất trình, nộp hồ sơ. Các bộ, ngành, địa phương tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thành phần hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC; đã rà soát, ban hành 2.315 quyết định công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý **[[96]](#footnote-96)**; đồng thời, công khai, cập nhật danh mục và nội dung TTHC thuộc phạm vi quản lý trên Cổng Dịch vụ công (DVC) quốc gia và các kênh thông tin khác, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tra cứu, tìm hiểu và thực hiện TTHC. Trên Cổng DVC quốc gia, tại thời điểm ngày 23/12/2022, cả nước có 6.514 TTHC **[[97]](#footnote-97)**. Triển khai Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 **[[98]](#footnote-98)**, lũy kế từ 2021 đến hết tháng 11/2022, đã cắt giảm, đơn giản hóa 1.758 quy định kinh doanh (nhiều bộ, ngành, địa phương có kết quả tốt như các bộ: Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường; các địa phương: Quảng Ninh, Quảng Nam, Thái Bình, Cà Mau, Sóc Trăng và thành phố Hà Nội).

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, đến nay, đã cấp hơn 75 triệu thẻ căn cước gắn chip điện tử cho công dân và hoàn thành tích hợp, cung cấp 21/25 dịch vụ công thiết yếu được giao tại Đề án; đã ban hành Chỉ thị về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, các nền tảng, hệ thống thông tin quan trọng chính phủ điện tử **[[99]](#footnote-99)** tiếp tục được vận hành, phát triển góp phần đổi mới mạnh mẽ phương thức làm việc, chuyển đổi số trong nội khối cơ quan hành chính nhà nước và phục vụ chỉ đạo, điều hành cũng như cung cấp dịch vụ công, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử tạo thuận lợi người dân, doanh nghiệp **[[100]](#footnote-100)**. Theo đánh giá của Liên hợp quốc, Việt Nam xếp hạng 76/193 quốc gia trên thế giới về chỉ số dịch vụ trực tuyến, tăng 05 bậc so với năm 2020.

3. Về xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ công chức, viên chức:

Thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/2/2022 của Bộ Chính trị, Chính phủ đã chỉ đạo hoàn thiện danh mục vị trí việc làm **[[101]](#footnote-101)**; sửa đổi, bổ sung các quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đánh giá, tuổi nghỉ hưu, thời hiệu xử lý kỷ luật của cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng quy định về tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước (HCNN); kiểm định chất lượng đầu vào công chức; cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung bảo đảm phù hợp, đồng bộ với quy định của Đảng; xây dựng chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan HCNN và đơn vị SNCL để tháo gỡ khó khăn về biên chế sự nghiệp, nhất là biên chế giáo viên và nhân viên y tế.

Tiếp tục nâng cao chất lượng tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả trong công tác này, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, sự nghiệp phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế. Giai đoạn 2020-2022, các bộ, ngành, địa phương đã thực hiện tuyển dụng 18.867 công chức và 125.104 viên chức, trong đó, có 258 người được tuyển dụng theo các chính sách quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; kết quả tuyển dụng đã góp phần từng bước khắc phục tình trạng gần 40.000 công chức, viên chức thôi việc, nghỉ việc thời gian qua. Hàng năm, cả nước có gần 90% cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức pháp luật; trên 85% được bồi dưỡng về đạo đức công vụ; gần 80% được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng trong thực thi công vụ **[[102]](#footnote-102)**.

Siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính và kiểm soát quyền lực, xử lý nghiêm minh, kịp thời và kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy nhà nước cán bộ, công chức, viên chức có sai phạm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ (các bộ, ngành, địa phương đã tăng cường chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật công vụ; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra công vụ để kịp thời phát hiện, kiên quyết xử lý nghiêm những sai phạm trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức. Từ năm 2020 đến tháng 6/2022, đã rà soát xử lý gần 100.000 trường hợp, trong đó thu hồi quyết định tuyển dụng trên 1.200 trường hợp). Cải cách chế độ tiền lương tiếp tục có chuyển biến tích cực, Chính phủ trình Quốc hội thông qua **[[103]](#footnote-103)** một số chính sách tiền lương mới **[[104]](#footnote-104)**. Đề nghị các bộ, ngành, địa phương quan tâm đến công tác xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng; cải thiện môi trường làm việc; có các chính sách hỗ trợ kịp thời đối với cán bộ, công chức, viên chức có hoàn cảnh kinh tế khó khăn… để kịp thời khắc phục tình trạng cán bộ, công chức, viên chức xin thôi việc, nghỉ việc.

**\*** Tồn tại, hạn chế: Tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc chưa được ngăn chặn triệt để. Công tác phối hợp giữa các bộ, cơ quan có lúc, có nơi còn rời rạc, thiếu gắn kết, chưa kịp thời, chất lượng chưa cao; xuất hiện tình trạng một bộ phận nhỏ cán bộ, công chức, viên chức nghỉ việc, chuyển việc, nhất là trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Việc xử lý những vấn đề phát sinh khi sắp xếp, tổ chức bộ máy còn có mặt hạn chế; thực hiện tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa đáp ứng yêu cầu đề ra; một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, tổ dân phố chưa phù hợp với thực tiễn. Việc rà soát, đồng bộ kết quả giải quyết hồ sơ TTHC lên Cổng dịch vụ công quốc gia ở một số nơi chưa kịp thời; tình trạng trễ hẹn trong giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ vẫn còn xảy ra ở các cấp hành chính, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, lao động - thương binh và xã hội...

**VII. THTK, CLP TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP**

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo bộ, cơ quan, địa phương, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Ủy ban Quản lý vốn) triển khai công tác đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong phát triển KTXH; Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì Hội nghị với doanh nghiệp **[[105]](#footnote-105)** nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, huy động nguồn lực của DNNN trong phát triển KTXH, đồng thời phát huy tính chủ động của doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh để thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững; hội nghị với Ủy ban Quản lý vốn và 19 tập đoàn, tổng công ty trực thuộc Ủy ban Quản lý vốn nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực đầu tư của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước trực thuộc Ủy ban Quản lý vốn góp phần thực hiện kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Tập trung chỉ đạo, khẩn trương tổ chức triển khai Kế hoạch sắp xếp lại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025 **[[106]](#footnote-106)** và Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025. Đẩy mạnh công tác sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN; phê duyệt Đề án Cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu đến năm 2025, cơ bản hoàn thành việc sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu khối DNNN, bảm bảo nguồn thu từ cơ cấu lại doanh nghiệp nộp NSNN trong giai đoạn 2021-2025. Yêu cầu các bộ, cơ quan xây dựng, phê duyệt, triển khai Đề án cơ cấu lại của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, DNNN giai đoạn 2021-2025, đảm bảo mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh của DNNN.

Hệ thống cơ chế, chính sách phục vụ quá trình sắp xếp, đổi mới, cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả hoạt động DNNN đã được ban hành đầy đủ và tiếp tục hoàn thiện, đảm bảo chặt chẽ hơn, công khai minh bạch, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến trình sắp xếp và hạn chế thất thoát vốn, tài sản nhà nước **[[107]](#footnote-107)**. Đã có 18/19 tập đoàn, tổng công ty đã xây dựng Đề án cơ cấu lại giai đoạn 2021-2025 và đang tiếp tục hoàn thiện để trình cấp có thẩm quyền ban hành. Trong năm 2022, các doanh nghiệp thuộc các tập đoàn, tổng công ty, DNNN đã thoái vốn với giá trị sổ sách khoảng 883,7 tỷ đồng, thu về 4.290,6 tỷ đồng; 01 doanh nghiệp cổ phần hoá với tổng giá trị doanh nghiệp 309 tỷ đồng **[[108]](#footnote-108)**, trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước 278 tỷ đồng. Một số tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã có nhiều sáng kiến, cải tiến, sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian và tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động, như: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và đầu tư 5.941tỷ đồng; Tập đoàn Viễn thông quân đội đã tiết kiệm 1.416 tỷ đồng, có sáng kiến, ý tưởng “Giải pháp điện toán đám mây vcloud cho hạ tầng và dịch vụ CNTT” sáng tạo góp phần làm 30,5 tỷ đồng.

Chínhphủ, Thủ tướng Chính phủ đã tổ chức nhiều cuộc họp, đi khảo sát thực tế và quyết liệt chỉ đạo các bộ, ngành, cơ quan có liên quan xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả. Tập trung quyết liệt chỉ đạo xây dựng phương án xử lý các vấn đề tồn đọng, kéo dài để báo cáo cấp có thẩm quyền. Đã đưa vào vận hành Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình (giai đoạn 2), Sông Hậu 1; tích cực xử lý, cơ cấu lại dự án, doanh nghiệp thua lỗ, kém hiệu quả như Nhà máy điện Long Phú I, Lọc dầu Nghi Sơn, Trung tâm nhiệt điện Ô Môn, Dự án Gang thép Thái Nguyên giai đoạn 2…; đã và đang tiếp tục hoàn thiện để báo cáo cấp có thẩm quyền phương án xử lý, tái cơ cấu 07/12 dự án, doanh nghiệp yếu kém còn lại **[[109]](#footnote-109)**.

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự vào cuộc của các cơ quan, doanh nghiệp liên quan, đến nay một số dự án, doanh nghiệp đã có nhiều chuyển biến trong sản xuất, kinh doanh, cụ thể: (i) trong 05 dự án, doanh nghiệp được Bộ Chính trị đồng ý chủ trương giao Vinachem và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) sử dụng nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp để chủ động, khẩn trương xây dựng, hoàn thiện và triển khai phương án xử lý có 01 dự án (Nhà máy sản xuất phân bón DAP1 - Hải Phòng của Công ty cổ phần DAP-Vinachem) từ năm 2017 đến nay sản xuất ổn định, hàng năm có lãi và đã hết lỗ luỹ kế từ tháng 01/2022; 01 dự án (Dự án sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ - PVN) có nhiều chuyển biến tích cực trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, như: duy trì vận hành sản xuất khai thác tối đa,, hiệu quả 27 dây chuyền sợi DTY, doanh thu bù đắp được chi phí biến đổi và có lợi nhuận trước định phí **[[110]](#footnote-110)**…; (ii) trong 07 dự án, doanh nghiệp còn lại có 03 dự án, doanh nghiệp sản xuất phân bón **[[111]](#footnote-111)** đã duy trì được sản xuất, kinh doanh; nỗ lực làm chủ công nghệ, từng bước nâng công suất chạy máy bình quân so với công suất thiết kế. Mặc dù, đến 30/6/2022 còn lỗ luỹ kế 13.394 tỷ đồng, song từ năm 2021 đến nay, do thị trường thuận lợi nên kết quả sản xuất, kinh doanh của 03 dự án, doanh nghiệp có cải thiện hơn **[[112]](#footnote-112)**.

\* Tồn tại hạn chế: Tiến độ cổ phần hoá, thoái vốn DNNN còn chậm; việc rà soát, sửa đổi, bổ sung danh mục và kế hoạch cổ phần hoá, thoái vốn còn kéo dài, chưa đảm bảo tính kịp thời, khả thi; số lượng doanh nghiệp dự kiến cổ phần hoá, thoái vốn không nhiều. Công tác xử lý một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả vẫn còn hạn chế.

**VIII. THTK, CLP TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ TIÊU DÙNG CỦA NHÂN DÂN**

Chính phủ chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên, liên tục, yêu cầu các bộ, ngành, địa phương luôn bám sát tình hình, yêu cầu thưc tiễn để chủ động, linh hoạt có biện pháp phù hợp phòng, chống dịch theo phương châm “thích ứng linh hoạt, an toàn, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19”, từng bước mở cửa, phục hồi các hoạt động KTXH trong tình hình mới, nhiều chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động, người dân bị ảnh hưởng mạnh bởi đại dịch tiếp tục được ban hành kịp thời và triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả. Qua đó, tạo điều kiện để hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống người dân trở lại trạng thái bình thường mới.

Các chương trình kích cầu tiêu dùng, tháng khuyến mại tập trung được tổ chức đồng loạt ở các địa phương trên cả nước, đã góp phần đẩy nhu cầu mua sắm tăng. Công tác kết nối cung cầu được thực hiện tốt, giá cả tương đối ổn định; gắn kết tạo nguồn hàng ổn định giữa các nhà sản xuất trong nước với các hệ thống phân phối lớn trên toàn quốc. Hoạt động thương mại điện tử Việt Nam tiếp tục phát triển trở thành kênh phân phối quan trọng **[[113]](#footnote-113)**. Tăng cường quản lý giá cả, bình ổn thị trường, phòng, chống nạn hàng giả, hàng nhái, gian lận thương mại, kể cả trên môi trường thương mại điện tử **[[114]](#footnote-114)**. Tập trung cải cách thủ tục hành chính và bám sát tình hình thực tiễn, để tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh; kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ thiết thực cho người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh; các đối tượng chính sách xã hội, người có công, hộ nghèo, cận nghèo **[[115]](#footnote-115)**. Tiếp tục triển khai Đề án Tái cơ cấu ngành, chuyển đổi diện tích đất lúa kém hiệu quả hoặc không cân đối được nguồn nước sang trồng rau, màu, cây ăn quả hoặc kết hợp nuôi trồng thủy sản để có hiệu quả kinh tế cao hơn (diện tích lúa cả năm ước đạt 7,1 triệu ha, giảm 127,7 nghìn ha so với năm trước). Thúc đẩy phát triển các ngành, nghề gắn với định hướng phát triển kinh tế nông thôn; chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh doanh, phát triển sản phẩm chủ lực theo 3 trục sản phẩm, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn và Chương trình “mỗi xã một sản phẩm” (OCOP). Cả nước đã có 8.689 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên. Chủ động phối hợp, hỗ trợ địa phương trong công tác giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ, xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP, nông nghiệp hữu cơ...**[[116]](#footnote-116)**. Tổ chức trao đổi thông tin, thảo luận về các giải pháp trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xây dựng thương hiệu, tổ chức các hội nghị với các địa phương **[[117]](#footnote-117)**. Hỗ trợ kết nối đưa nông sản có sản lượng lớn khi vào vụ và gặp khó khăn khi xuất khẩu vào các hệ thống siêu thị, như Big C, AEON, Hapro, Vinmart; đẩy mạnh tham gia các sàn [thương mại điện tử](https://vietnamnet.vn/thuong-mai-dien-tu-tag57026.html) uy tín như: Alibaba, Amazon, Sendo, Voso, Shopee…

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục được quan tâm đầu tư, phát triển, qua đó, nhận thức về vai trò của văn hóa trong các cơ quan và đời sống xã hội ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn; giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa dân tộc được bảo tồn và phát huy, sản phẩm văn hóa ngày càng đa dạng, phong phú. Tổ chức các liên hoan, hội thi, hội diễn; triển lãm tranh cổ động tấm lớn tại một số địa phương; cuộc thi sáng tác tranh cổ động tuyên truyền kỷ niệm 50 năm Ngày Chiến thắng Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không. Nhiều tấm gương sáng trong phong trào thi đua yêu nước, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được biểu dương, nhân rộng, tạo sức lan tỏa.

Những tháng đầu năm 2022, do dịch Covid-19 tác động, việc triển khai các hoạt động lễ hội trong đã được hạn chế tổ chức. Các địa phương giảm hẳn tổ chức các hoạt động lễ hội, đặc biệt là các lễ hội có số lượng lớn người dân và du khách tham gia tập trung đông người để phòng, chống dịch. Việc dừng tổ chức các hoạt động lễ hội đã phần nào ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia lễ hội, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí của nhân dân trong dịp đầu xuân năm 2022. Nhưng nhờ cắt giảm các lễ hội nên các địa phương, tổ chức, đơn vị đã cắt giảm được đáng kể nguồn kinh phí. Sau thời gian dài chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, các tỉnh/thành trên cả nước tổ chức nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật sôi nổi, phục vụ các nhiệm vụ chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật nhân dân trong điều kiện cả nước bước vào giai đoạn bình thường mới, đặc biệt là trong các dịp lễ, kỷ niệm lớn của đất nước.

Thúc đẩy phục hồi, mở cửa lại hoạt động du lịch trong nước, quốc tế trong điều kiện “thích ứng linh hoạt, an toàn, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19”. Chính phủ chỉ đạo tăng cường công tác truyền thông hình ảnh Du lịch Việt Nam trên các nền tảng số, đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch góp phần thu hút khách du lịch quốc tế trở lại Việt Nam sau thời gian dài chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh **[[118]](#footnote-118)**. Sau hơn hai năm ảnh hưởng bởi đại dịch Covid19, hoạt động du lịch tại các địa phương năm 2022 đều ghi nhận sự tăng trưởng bứt phá cả về tổng lượng khách và tổng doanh thu từ hoạt động du lịch, nhất là sau thời điểm 15/3/2022 khi du lịch cả nước được mở cửa trở lại **[[119]](#footnote-119)**.

\* Tồn tại, hạn chế: Còn thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa các bên trong chuỗi cung ứng hàng hóa (nhà sản xuất, nhà phân phối, nhà vận chuyển, người tiêu dùng), nhất là đối với hàng thực phẩm thiết yếu, nên thị trường dễ bị biến động do tác động của tâm lý người tiêu dùng. Tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, găm hàng chờ tăng giá trên thị trường nội địa, vi phạm cạnh tranh… còn diễn biến phức tạp. Đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bị thiên tai…

**IX. CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA THTK, CLP**

Trong công tác xây dựng định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra hàng năm, đã lồng ghép nội dung thanh tra THTK, CLP vào nội dung thanh tra trách nhiệm, thanh tra hành chính **[[120]](#footnote-120)**. Nội dung thanh tra, kiểm tra tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, như: đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý tài chính ngân sách… nhằm phát hiện, ngăn chặn và phòng ngừa các hành vi thất thoát, lãng phí. Qua đó đã phát hiện nhiều vi phạm trong quản lý, sử dụng nguồn vốn nhà nước, tài sản nhà nước và quản lý, sử dụng lao động. Đã kịp thời thu hồi được nhiều tài sản, kinh phí nhà nước và xử lý nghiêm các vi phạm.

Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Tổ công tác kiểm tra, rà soát, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương **[[121]](#footnote-121)**. Đồng thời, chỉ đạo Thanh tra Chính phủ tiến hành thanh tra một số lĩnh vực có nguy cơ cao phát sinh tham nhũng, thanh tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật **[[122]](#footnote-122)**; triển khai thanh tra chuyên đề diện rộng về mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế, sinh phẩm, kít xét nghiệm, vắc xin, thuốc phòng, chống dịch Covid-19; đã chỉ đạo xử lý nhiều kết luận thanh tra và sau thanh tra, xử lý kỷ luật nghiêm đối với những tổ chức, cá nhân vi phạm. Công tác đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra (trong đó có các kết luận thanh tra theo chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực **[[123]](#footnote-123)**) được đẩy mạnh và đạt được nhiều chuyển biến tích cực. Kết quả công tác thanh tra tiếp tục đóng góp quan trọng trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và góp phần tích cực trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trong năm 2022, ngành Thanh tra cả nước đã triển khai 8514 cuộc thanh tra hành chính và 222.629 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành (đã lồng ghép nội dung thanh tra THTK,CLP vào nội dung thanh tra trách nhiệm, thanh tra hành chính); phát hiện vi phạm về kinh tế 85.998 tỷ đồng, 8.777 ha đất; kiến nghị thu hồi về NSNN 26.654 tỷ đồng và thu hồi 574 ha đất; xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán do chưa thực hiện đúng quy định và đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét xử lý 59.344 tỷ đồng, 8.203 ha đất; xử lý hành chính đối với 3.530 tập thể và 8.619 cá nhân; ban hành 145.558 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân, với số tiền 5.641 tỷ đồng; chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo quy định 451 vụ, 295 đối tượng; kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật trên nhiều lĩnh vực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý, sử dụng NSNN, tài sản công, vốn nhà nước,... Tập trung đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện 8.371 kết luận thanh tra và các quyết định xử lý sau thanh tra, thu hồi 3.440 tỷ đồng, 32 ha đất; xử lý hành chính đối với 4.052 tổ chức, 9.297 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra 132 vụ, 181 đối tượng; khởi tố 12 vụ, 22 đối tượng; ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ 583 văn bản về cơ chế, chính sách, pháp luật. Tuy nhiên, một số cuộc thanh tra triển khai chậm so với kế hoạch hoặc kéo dài thời gian xây dựng báo cáo và ban hành kết luận thanh tra; tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản qua đôn đốc, xử lý sau thanh tra còn thấp.

**X. VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 63/2022/QH15 NGÀY 16/6/2022 VÀ NGHỊ QUYẾT 74/2022/QH15 NGÀY 15/11/2022 CỦA QUỐC HỘI VỀ ĐẦY MẠNH THTK, CLP.**

**1. Về tình hình, kết quả thực hiện nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội**

Tại Kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa XV đã ban hành Nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022 để tiếp tục nâng cao hiệu quả, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác THTK, CLP.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai, thực hiện Nghị quyết, Bộ Tài chính đã có văn bản đôn đốc, yêu cầu các bộ, ngành, địa phương triển khai, báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác THTK, CLP trên các lĩnh vực. Một số kết quả chủ yếu thực hiện Nghị quyết số 63/2022/QH15 của Quốc hội đã được đánh giá cụ thể tại Phần II của Báo cáo, một số kết quả chủ yếu như:

Trong năm 2022, các bộ, ngành, địa phương đã triển khai quyết liệt, đạt nhiều kết quả tích cực trong công tác xây dựng pháp luật, tiêu chuẩn, định mức; các bộ, ngành đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền 602 văn bản quy phạm pháp luật, các địa phương đã ban hành 7.465 văn bản quy phạm pháp luật; trong đó nhiều quy định liên quan đến THTK, CLP, các định mức, tiêu chuẩn chế độ.

Các bộ, ngành, địa phương triệt để tiết kiệm chi tiêu NSNN năm 2022 **[[124]](#footnote-124)**; tăng cường thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các hành vi gây thất thoát, lãng phí trong quản lý, sử dụng nguồn vốn NSNN, vốn nhà nước, tài sản công, đất đai, khoáng sản **[[125]](#footnote-125)**; kiên quyết thu hồi đất đã giao nhưng chưa đưa vào sử dụng hoặc sử dụng sai mục đích **[[126]](#footnote-126)**; thực hiện sắp xếp cơ cấu tổ chức bên trong của các bộ, ngành **[[127]](#footnote-127)**.... (chi tiết theo Phụ lục IV kèm theo).

**2. Về tình hình triển khai thực hiện nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội**

Tại Kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Để tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP và triển khai thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 triển khai Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP. Nội dung Nghị quyết đã được thể hóa thành công việc trọng tâm của Chính phủ năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 với 06 giải pháp chung và 26 nhiệm vụ cụ thể yêu cầu các bộ ngành, địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được giao; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc bảo đảm chất lượng, tiến độ thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết. Đồng thời, giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết. Tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 trình Chính phủ xem xét, gửi Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6 và Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

**XI. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Năm 2022, mặc dù trong bối cảnh còn khó khăn, thách lớn, nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự giám sát, đồng hành và phối hợp của Quốc hội; sự chỉ đạo quyết liệt, điều hành các chính sách vĩ mô kịp thời, đồng bộ, bám sát tình hình thực tiễn, hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; sự tin tưởng ủng hộ, đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và người dân nước ta đã đạt được những kết quả rất tích cực trên hầu hết các lĩnh vực được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Trong bối cảnh đó, việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp THTK, CLP và các Nghị quyết của Chính phủ đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên các lĩnh vực KTXH, nền kinh tế nước ta đạt tốc độ tăng trưởng cao, đồng thời giữ vững được ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm được các cân đối lớn, có nhiều chuyển biến tích cực về thể chế, môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên, nâng cao thu nhập và đời sống của người dân; ước thực hiện cả năm có 13/15 chỉ tiêu KTXH đạt và vượt mục tiêu kế hoạch được Quốc hội giao; thu NSNN đạt gần 1.803,6 nghìn tỷ đồng, vượt 27,8% so dự toán, tăng 14,1% so thực hiện năm 2021.

Công tác THTK, CLP năm 2022 có nhiều chuyển biến, nhận thức, trách nhiệm về THTK, CLP của các bộ, ngành, địa phương được nâng lên ngay trong quá trình tổ chức giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành, tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn 2016-2021” và sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022, Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP. Nhiều bộ, ngành, địa phương báo cáo kịp thời đúng thời hạn [[128]](#footnote-128) và đạt kết quả tốt trong THTK, CLP. Bên cạnh đó, những tồn tại cố hữu trong nội tại của nền kinh tế vẫn chậm được cải thiện, bộc lộ rõ trước những rủi ro, thách thức của tình hình thế giới, khu vực **[[129]](#footnote-129)**; kết quả THTK, CLP trong từng lĩnh vực còn một số tồn tại, hạn chế nhất định, đã được phân tích, đánh giá tại Phần II của Báo cáo.

**Phần III**

**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THTK, CLP NĂM 2023**

Năm 2023, là năm có ý nghĩa quan trọng, năm bản lề thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm giai đoạn 2021-2025, bám sát Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025; Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023; Chính phủ tập trung chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương quyết tâm thực hiện hiệu quả với phương châm *“Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”*; tập trung chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả. Tiếp tục ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; thực hiện chính sách tiền tệ chắc chắn, chủ động, linh hoạt, hiệu quả, phối hợp hài hòa, hợp lý, chặt chẽ với thực hiện chính sách tài khóa mở rộng, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác; tăng cường năng lực thích ứng, chống chịu, bảo đảm sự ổn định của hệ thống tài chính, ngân hàng trong mọi tình huống. Tập trung xử lý các vấn đề tồn đọng, kéo dài đã được Bộ Chính trị cho chủ trương **[[130]](#footnote-130)**; chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý thu NSNN, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời; nghiên cứu tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí; triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tiếp tục cắt giảm các khoản chi thường xuyên, các nhiệm vụ chi không thực sự cấp bách; tập trung ổn định các thị trường tiền tệ, tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp, chứng khoán, bất động sản… Tăng cường xây dựng, hoàn thiện thể chế; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, xây dựng Chính phủ số; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia…

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chương trình tổng thể về THTK, CLP của Chính phủ năm 2023 (Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 30/12/2022), với mục tiêu thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp THTK, CLP trong các lĩnh vực, đưa công tác THTK, CLP trở thành nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, góp phần huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đảm bảo giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy quá trình phục hồi và tăng trưởng KTXH, củng cố quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tập trung vào chủ đề năm 2023 là *“Triển khai đầy đủ, nghiêm túc, chất lượng, đảm bảo tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp, kiến nghị Quốc hội đã đề ra tại Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP”*. Những nội dung chủ yếu của Chương trình như sau:

**I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

1. Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, phấn đấu thực hiện cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2023 đã được Quốc hội đề ra để góp phần đưa tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,5%, quy mô GDP bình quân đầu người khoảng 4.400 USD/người.

2. Tập trung rà soát, ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Luật có liên quan đến công tác THTK, CLP; rà soát và ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia, đơn giá, định mức kinh tế - kỹ thuật trong đầu tư, xây dựng, dịch vụ công còn thiếu hoặc còn chồng chéo, mâu thuẫn; sửa đổi, bổ sung định mức chi tiêu công, tài sản công, xe công, khoán chi, khoán kinh phí sử dụng tài sản công; lao động, biên chế; quản lý, sử dụng tài nguyên, đất đai, khoáng sản.

3. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách; thực hiện quyết liệt các giải pháp chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, thu hồi nợ thuế; kiểm soát chặt chẽ bội chi NSNN. Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện tiết kiệm triệt để, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN; điều hành chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết. Thực hiện rà soát toàn bộ các khoản chi chuyển nguồn NSNN đến ngày 31/12/2021 để hủy bỏ, thu hồi về NSNN các khoản chuyển nguồn không có nhu cầu sử dụng hoặc quá thời gian giải ngân theo quy định.

4. Tăng cường quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; các cấp, các ngành quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, coi đây là nhiệm vụ chính trị hàng đầu trong năm 2023; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cả về thể chế, cơ chế, chính sách, trên nguyên tắc cấp nào ban hành, cấp đó phải tháo gỡ, trường hợp vượt quá thẩm quyền, báo cáo cấp trên trực tiếp.

5. Đẩy mạnh triển khai thi hành có hiệu quả Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; rà soát, hoàn thiện các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn Luật tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất, thuận lợi trong tổ chức thực hiện cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

6. Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản, trong đó, tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách về quản lý và sử dụng đất đồng bộ và phù hợp với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nguồn lực đất đai được quản lý, khai thác, sử dụng bảo đảm tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất; đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá công bằng và ổn định xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực để nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao.

7. Đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN. Đẩy mạnh cơ cấu lại, cổ phần hóa, thoái vốn; nâng cao hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

8. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các cán bộ, công chức, viên chức trong chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp về THTK, CLP. Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền cũng như thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP gắn với cơ chế khen thưởng, kỷ luật kịp thời nhằm tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức và tổ chức thực hiện ở các cơ quan, đơn vị.

**II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CÁC LĨNH VỰC**

1. Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của NSNN: Thực hiện siết chặt kỷ luật tài khóa - NSNN; bảo đảm chi NSNN tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng dự toán được Quốc hội thông qua. Cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết, triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, để dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển và chi các nhiệm vụ cấp bách khác. Thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm năm 2023 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) đối với các bộ, cơ quan trung ương; tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên năm 2023 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ), 70% nguồn tăng thu thực hiện của NSĐP so với dự toán năm 2022 để tạo nguồn cải cách tiền lương. Kiểm soát chặt chẽ công tác phân bổ, quản lý, sử dụng các khoản chi NSNN. Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công: Phân bổ vốn đầu tư công năm 2023 bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn. Rà soát, tổng hợp, phân loại và xây dựng kế hoạch, lộ trình để có phương án xử lý dứt điểm khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, các dự án trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA không hiệu quả, chậm tiến độ, điều chuyển vốn đầu tư đối với các dự án chậm tiến độ, không giải ngân được hoặc thừa vốn. Khẩn trương đưa các dự án hoàn thành hoặc cơ bản hoàn thành vào khai thác, sử dụng.

3. Trong quản lý, sử dụng tài sản công: Đẩy nhanh tiến độ rà soát, sắp xếp lại tài sản công, đặc biệt là đối với các cơ sở nhà, đất. Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp xử lý nhà, đất, tài sản ở các cơ quan, đơn vị sau sáp nhập và phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; tiêu chuẩn, định mức về quản lý, sử dụng tài sản công làm cơ sở lập kế hoạch, dự toán, quản lý, bố trí sử dụng, xử lý tài sản công theo đúng quy định.

4. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên: Thực hiện quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả. Hoàn thành sửa đổi Luật Đất đai năm 2013 và một số luật liên quan, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất. Đẩy mạnh tiến độ xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo trong năm 2023 hoàn thành việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025. Đề xuất các giải pháp xử lý dứt điểm các dự án không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

5. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp: Đánh giá, có giải pháp cụ thể để đẩy nhanh việc cơ cấu lại doanh nghiệp theo Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025”... Xây dựng lộ trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể giải quyết các dự án sử dụng vốn nhà nước thua lỗ tại các doanh nghiệp. Thực hiện tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa các nguồn lực về vốn, đất đai… của DNNN. Thực hiện quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

6. Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động: Hoàn thành việc rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đảm bảo mục tiêu giai đoạn 2021-2026, toàn hệ thống chính trị tinh giản ít nhất 5% biên chế cán bộ, công chức và ít nhất 10% biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN. Đẩy mạnh CCHC; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số theo mục tiêu, nhiệm vụ nêu tại Nghị quyết số 76/NQ-CP của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030...

**III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về THTK, CLP; các bộ, ngành, địa phương trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu THTK, CLP năm 2023 theo định hướng, chủ trương của Đảng về THTK, CLP. Xây dựng kế hoạch thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm trong từng lĩnh vực được giao phụ trách, trong đó cần phân công, phân cấp cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc, từng cán bộ, công chức, viên chức, gắn với công tác kiểm tra, đánh giá thường xuyên để đảm bảo việc thực hiện Chương trình đạt hiệu quả.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về THTK, CLP: Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về THTK, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THTK, CLP nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THTK, CLP đối với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong THTK, CLP; thực hiện các biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí.

3. Tăng cường công tác tổ chức THTK, CLP trên các lĩnh vực, trong đó tập trung vào một số lĩnh vực sau:

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong đấu thầu, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh; việc mua sắm, quản lý đầu tư công, đất đai, tài sản công, cổ phần hóa ở các bộ, ngành, địa phương. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách về định mức, tiêu chuẩn, chế độ còn thiếu.

b) Về quản lý NSNN: Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 làm cơ sở đề xuất sửa đổi Luật và các văn bản pháp luật liên quan để đổi mới cơ chế phân cấp NSNN. Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý chi thường xuyên, tăng cường đấu thầu, đặt hàng, khoán kinh phí, khuyến khích phân cấp, phân quyền, giao quyền tự chủ cho các đơn vị sử dụng NSNN. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai minh bạch việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của NSNN. Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ để tháo gỡ các vướng mắc trong việc thực hiện cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập để giảm chi ngân sách.

c) Về quản lý, sử dụng vốn đầu tư công: Rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định tại các Luật liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư công, giải ngân vốn đầu tư công. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị dự án đầu tư, lựa chọn các tư vấn có năng lực, kinh nghiệm, tiềm lực thực sự, khắc phục tình trạng phân bổ dự toán chậm, tình trạng điều chỉnh dự án khi đang triển khai, giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp. Đẩy mạnh công tác số hóa quy trình phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công, lập dự toán và công tác kế toán, quyết toán NSNN, quản lý, giám sát vốn đầu tư công; hiện đại hóa công tác quản lý vốn đầu tư công.

d) Về quản lý, sử dụng tài sản công: Tiếp tục thực hiện hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công và nâng cấp Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công để từng bước cập nhật, quản lý thông tin của tất cả các tài sản công được quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Khẩn trương thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do nhà nước đầu tư, quản lý. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

đ) Về quản lý tài nguyên, khoáng sản, đặc biệt là đối với đất đai: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đất đai và pháp luật khác có liên quan theo định hướng tại Nghị quyết 18-NQ/TW. Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí, định mức, quy định về suất đầu tư trên một đơn vị diện tích để bảo đảm quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất đai. Đẩy nhanh chuyển đổi số, hướng tới mục tiêu hoàn thiện, kết nối liên thông hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia tập trung, thống nhất. Công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

e) Về quản lý vốn, tài sản nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp: Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công tác quản trị, công nghệ, cơ cấu sản phẩm, ngành nghề sản xuất kinh doanh, tăng cường năng lực cạnh tranh của DNNN. Khẩn trương thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi quản lý theo Đề án “Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022.

g) Về tổ chức bộ máy, quản lý lao động, thời gian lao động: Khẩn trương xây dựng hệ thống vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ. Đổi mới mạnh mẽ quy trình, phương thức và thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ trong quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ và tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức để thu hút được người có năng lực, trình độ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và giảm khiếu nại, tố cáo liên quan đến cán bộ và công tác cán bộ. Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, biên chế của các cơ quan, nhà nước, tiết kiệm chi và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh hơn nữa cải cách hành chính và nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ.

4. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THTK, CLP: Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THTK, CLP; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực theo quy định của Luật THTK, CLP và pháp luật chuyên ngành, trong đó cần tập trung vào các lĩnh vực: quản lý và sử dụng đất, trọng tâm là các dự án không đưa đất vào sử dụng, chậm sử dụng đất; tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư công; quản lý kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ; việc biên soạn và xuất bản sách giáo khoa. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về xử lý vi phạm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các cá nhân để xảy ra thất thoát, lãng phí.

Trên đây là Báo cáo kết quả THTK, CLP năm 2022 và nhiệm vụ, giải pháp THTK, CLP trong năm 2023, Chính phủ xin báo cáo Quốc hội./.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:  - Như trên;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;  - Uỷ ban TC,NS của Quốc hội;  - Bộ Tài chính;  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,  các Vụ: QHĐP, TKBT;  - Lưu: VT, KTTH. | **TM. CHÍNH PHỦ**  **TUQ. THỦ TƯỚNG**  **BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**  **(Đã ký)**  **Hồ Đức Phớc** |

1. Chính phủ dành thời gian thảo luận, cho ý kiến về công tác xây dựng thể chế, pháp luật, thông qua nhiều dự án Luật, VBQPPL tại các Phiên họp chuyên đề, Phiên họp Chính phủ thường kỳ. Ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về công tác xây dựng pháp luật: Công văn số 301/TTg-PL ngày 06/4/2022 của TTg về công tác xây dựng thể chế, pháp luật; Thông báo số 239/TB-VPCP ngày 09/8/2022 kết luận của Thường trực CP về việc trình các dự án luật, đề nghị xây dựng luật; Công điện số 805/CĐ-TTg ngày 11/9/2022 của TTg về tăng cường công tác xây dựng pháp luật; hoàn thiện các dự án Luật…; Công văn số 301/TTg-PL ngày 06/4/2022 của TTg về công tác xây dựng thể chế, pháp luật; Thông báo số 239/TB-VPCP ngày 09/8/2022 của Thường trực CP về việc trình các dự án luật, đề nghị xây dựng luật. Công điện số 805/CĐ-TTg ngày 11/9/2022 của TTg về tăng cường công tác xây dựng pháp luật; hoàn thiện các dự án Luật. [↑](#footnote-ref-1)
2. Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 [↑](#footnote-ref-2)
3. Như một số vụ án xảy ra tại: Công ty Cổ phần Việt Á; Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao; Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam; các Tập đoàn: FLC, Tân Hoàng Minh, Công ty Cổ phần đầu tư An Đông… [↑](#footnote-ref-3)
4. Như: công tác quản lý nhà nước về xăng dầu, việc thực hiện Quy hoạch điện VII, việc cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất, đá, cát, sỏi, làm vật liệu san lấp, đắp nền đường) thực hiện các dự án giao thông trọng điểm quốc gia. [↑](#footnote-ref-4)
5. Trong đó: Cấp tỉnh 3.948 VBQPPL (tăng 9,1% so với năm 2021); cấp huyện 2.739 BVQPPL (tăng 44,8% só với năm 2021); cấp xã 778 VBQPPL (giảm gần 70% so với năm 2021). [↑](#footnote-ref-5)
6. Gồm: QCVN 02:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng; QCVN 03:2022/BXD về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng; QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình. [↑](#footnote-ref-6)
7. QCVN 07:2022/BXD về công trình hạ tầng kỹ thuật; QCVN 16:2022/BXD về sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng. [↑](#footnote-ref-7)
8. Soát xét, sửa đổi QCVN 10 về Xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng; Biên soạn mới Bộ QCVN về nhà và công trình dân dụng. [↑](#footnote-ref-8)
9. Như: Đất đai; giáo dục, đào tạo; quản lý giá và thẩm định giá; chi phí trong hoạt động giám định tư pháp;…. [↑](#footnote-ref-9)
10. Điển hình một số bộ ngành như Tư pháp, Tài chính, Công Thương, Nội vụ: Riêng tại Bộ Tư pháp đã tổ chức thẩm định 32 đề nghị xây dựng văn bản và 251 dự án, dự thảo VBQPPL, kiểm tra 4.586 văn bản và tập trung rà soát được 27.878 VBQPPL, kiến nghị xử lý đối với 5.731 văn bản; Bộ Tài chính đã thẩm định 77 Thông tư; thực hiện rà soát 150 VBQPPL, đã đề nghị xử lý đối với 05 văn bản; thực hiện kiểm tra 67 văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ khác có nội dung liên quan đến tài chính và 520 văn bản của HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. [↑](#footnote-ref-10)
11. Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-11)
12. Kết hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương năm 2022; Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 -2027. [↑](#footnote-ref-12)
13. Như: Luật Đất đai (sửa đổi) . [↑](#footnote-ref-13)
14. Như: Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi); Luật Phát triển công nghiệp. [↑](#footnote-ref-14)
15. Tính đến ngày 14/12/2022, còn nợ ban hành 12 văn bản quy định chi tiết 08 luật đã có hiệu lực (09 nghị định và 03 quyết định). [↑](#footnote-ref-15)
16. Theo Báo cáo số 9650/BC-BKHĐT ngày 31/12/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-16)
17. Ngày 26/5/2022, Tổ chức xếp hạng tín nhiệm S&P Global Rating (S&P) đã nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam lên mức BB+ với triển vọng “Ổn định”. Các tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody’s và Fitch cũng đánh giá Việt Nam ở triển vọng “Tích cực”. [↑](#footnote-ref-17)
18. Gồm: 06 Nghị định (1. Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 về chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15; 2. Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 24/4/2022 về Chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 3. Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 Hỗ trợ lãi suất từ NSNN đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; 4. Nghị định số 32/2022/NĐ-CP ngày 21/5/2022 gia hạn thời gian nộp thuế tiêu thu đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước; 5. Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022; 6. Nghị định số 36/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 Hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội). [↑](#footnote-ref-18)
19. Gồm: 1. Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 Thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động; 2. Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cành khó khăn để mua máy tính, thiết bị học tập trực tuyến; 3. Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 27/4/2022 về điều kiện, trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập; 4. Quyết định số 448/2022/QĐ-TTg ngày 12/4/2022 Chương trình quản lý nợ công 03 năm 2022-2024 và kế hoạch vay, trả nợ công năm 2022; Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28/7/2022 Phân cấp cho các địa phương thực hiện các dự án, dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình. [↑](#footnote-ref-19)
20. Không bao gồm khoảng 46 nghìn tỷ đồng để nhập khẩu vắc – xin, thuốc điều trị và thiết bị, vật tư y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid-19. Gồm: Giải ngân các chương trình cho vay ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội đạt 16.009 tỷ đồng, hỗ trợ lãi suất 900 tỷ đồng; giải ngân hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động đạt khoảng 3.744 tỷ đồng; giải ngân hỗ trợ 2% lãi suất cho các khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình đạt hơn 135 tỷ đồng; giảm thuế giá trị gia tăng, thuế môi trường đối với nhiên liệu bay là 50.173 tỷ đồng, chi phí cơ hội hỗ trợ thông qua các chính sách gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuê đất là 7,4 tỷ đồng) [↑](#footnote-ref-20)
21. Có 62/63 địa phương đã hoàn thành dự toán thu Thủ tướng Chính phủ giao, như: Hưng Yên 427,8%; Quảng Ngãi 194,8%; Thừa Thiên Huế 186,8%; Thanh Hóa 177,6%; Bắc Giang 174,2%; Yên Bái 172,6%; Quảng Bình 167,7%; Phú Thọ 162,2%; Thái Bình 155%). [↑](#footnote-ref-21)
22. Như: (i) Giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022 (Nghị quyết số 13/2021/UBTVQH15 ngày 31/12/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội); (ii) Giảm 50% lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước (Nghị định số 103/2021/NĐ-CP ngày 26/11/2021 của Chính phủ); (iii) Áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu, thuế suất thuế nhập khẩu theo Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 của Chính phủ và các văn bản có liên quan; (iv) Giảm mức thu 37 khoản phí, lệ phí trong 06 tháng đầu năm 2022 (Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính). [↑](#footnote-ref-22)
23. Gồm: Bố trí 6.600 tỷ đồng để hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội; 240 tỷ đồng để cân đối nguồn, giảm áp lực huy động vốn cho Chương trình phục hồi. [↑](#footnote-ref-23)
24. Tại Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 08/6/2022 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2022. [↑](#footnote-ref-24)
25. Gồm: các bộ, ngành là 9.901 tỷ đồng (trong đó: tiết kiệm trong lập, thẩm định, phân bổ dự toán là 308 tỷ đồng; tiết kiệm trong sử dụng và thanh quyết toán NSNN là 2.875 tỷ đồng; tiết kiệm trong đầu tư là 6.433 tỷ đồng); các địa phương là 38.157 tỷ đồng (trong đó: tiết kiệm trong lập, thẩm định, phân bổ dự toán là 16.836 tỷ đồng; tiết kiệm trong sử dụng và thanh quyết toán NSNN là 8.773 tỷ đồng; tiết kiệm trong đầu tư là 10.660 tỷ đồng); các tập đoàn, tổng công ty là 5.837 tỷ đồng (trong đó tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh là 3.605 tỷ đồng; tiết kiệm trong đầu tư là 2.232 tỷ đồng). [↑](#footnote-ref-25)
26. Quyết định số 460/QĐ-TTg ngày 14/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược nợ công đến năm 2030; Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 07/3/2022 của Chính phủ phê duyệt hạn mức bảo lãnh và CVL năm 2022; Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 12/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quản lý nợ công. [↑](#footnote-ref-26)
27. Nghị quyết số 34/2021/QH15 và số 40/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội. [↑](#footnote-ref-27)
28. Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 12/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-28)
29. Gồm: Vay cho cân đối NSTW tối đa 646.849 tỷ đồng (trong đó: vay bù đắp bội chi NSTW tối đa là 450.700 tỷ đồng, vay để trả nợ gốc không quá 196.149 tỷ đồng; vay về cho vay lại 26.697 tỷ đồng). [↑](#footnote-ref-29)
30. Theo Báo cáo số 426/BC-CP ngày 18/10/2022 Chính phủ về tình hình nợ công năm 2022 và dự kiến 2023. [↑](#footnote-ref-30)
31. Gồm: Vay bù đắp bội chi NSNN khoảng 34.200 tỷ đồng; vay về cho vay lại khoảng 22.800 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-31)
32. Nguồn: Báo cáo số 1399-BC/BCSĐCP ngày 03/12/2022 của Ban cán sự đảng Chính phủ về báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW. [↑](#footnote-ref-32)
33. Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 đối với CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 đối với CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 đối với CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. [↑](#footnote-ref-33)
34. Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 đối với CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 đối với CTMTQG giảm nghèo bền vững; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 đối với CTMTQG xây dựng nông thôn mới. [↑](#footnote-ref-34)
35. Bao gồm: 02 Nghị định của Chính phủ; 23 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 44 thông tư, quyết định, văn bản, kế hoạch cấp bộ quy định, hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung, hoạt động các Chương trình. [↑](#footnote-ref-35)
36. Trong đó: 05/11 địa phương tự cân đối ngân sách ban hành quy định phân bổ vốn NSĐP; (iii) Có 27/52 địa phương đã ban hành quy định về cơ chế lồng ghép, huy động các nguồn vốn thực hiện các CTMTQG; (iv) Có 20/52 địa phương đã ban hành quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG; (v) Có 28/63 địa phương đã ban hành văn bản thực hiện cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư đối với dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp; (vi) Có 25/63 địa phương đã ban hành cơ chế tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất. [↑](#footnote-ref-36)
37. Các Nghị quyết số: 120/2020/QH14, 24/2021/QH15, 25/2021/QH15, 29/2021/QH15. [↑](#footnote-ref-37)
38. Gồm: CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 104.324,848 tỷ đồng, bao gồm: 50.000 tỷ đồng vốn ĐTPT; 54.324,848 tỷ đồng vốn SN; CTMTQG giảm nghèo bền vững là 48.000 tỷ đồng, bao gồm: 20.000 tỷ đồng vốn ĐTPT; 28.000 tỷ đồng vốn SN; CTMTQG xây dựng nông thôn mới là 39.632 tỷ đồng, bao gồm: 30.000 tỷ đồng vốn ĐTPT; 9.632 tỷ đồng vốn SN. [↑](#footnote-ref-38)
39. Tại Nghị quyết số 40/2021/QH15. [↑](#footnote-ref-39)
40. Gồm: CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 8.429 tỷ, bao gồm: 3.000 tỷ đồng vốn ĐTPT; 5.429 tỷ đồng vốn SN; CTMTQG giảm nghèo bền vững là 4.620 tỷ, bao gồm: 2.000 tỷ đồng vốn ĐTPT; 2.620 tỷ đồng vốn SN; CTMTQG xây dựng nông thôn mới là 5.000 tỷ đồng, bao gồm: 3.000 tỷ đồng vốn ĐTPT; 2.000 tỷ đồng vốn SN. [↑](#footnote-ref-40)
41. Tại Tờ trình số 134/TTr-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-41)
42. Dự kiến cả năm có trên 1.200 công trình giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế và công trình khác được xây dựng trên địa bàn các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; trên 500 dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hơn 500 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diệm nghiệp được triển khai thực hiện; khoảng 65.000 người nghèo, người lao động trên địa bàn huyện nghèo được đào tạo kỹ năng nghề; hơn 1.000 người được hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng… [↑](#footnote-ref-42)
43. Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Ninh Bình, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ, Bạc Liêu [↑](#footnote-ref-43)
44. Gồm: Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề: 3.506 tỷ đồng; Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 600 tỷ đồng; Sự nghiệp văn hóa thông tin: 1.387 tỷ đồng; Các hoạt động kinh tế: 80326 tỷ đồng; Sự nghiệp bảo đảm xã hội: 797 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-44)
45. Quyết định số 64/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 08/7/2021 về quy chể hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia phất triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; Quyết định sô 484/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 13/7/2021 của Ban Chi đạo Trung ương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng điều phối Trung ương Chương trinh mục tiêu quốc gia phát triển KĨXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; Văn bản số 1049/UBDT-CTMTQG ngày 30/7/2021 của Ban Chi đạo Trung ương gửi các Bộ, ngành về việc xây dựng văn bàn hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG; Văn bản sổ 1233/BCĐTƯCTMTQG ngày 06/9/2021 của Ban Chi đạo Trung ương gửi các địa phương đề nghị rà soát, tổng hợp nhu câu vốn và cam kêt giải ngân vốn đầu tư công năm 2021,2022. [↑](#footnote-ref-45)
46. Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. [↑](#footnote-ref-46)
47. Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ TCNN ngoài ngân sách; Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về kế hoạch tài chính quốc gia vay, trả nợ công 5 năm 2021-2025. [↑](#footnote-ref-47)
48. Trong đó: có 01 quỹ đã có văn bản quy phạm pháp luật quyết định việc thành lập nhưng chưa đi vào hoạt động là Quỹ phòng, chống thiên tai và 01 quỹ được quy định việc thành lập nhưng chưa có văn bản quy phạm pháp luật quyết định thành lập là Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; 01 quỹ mới chính thức đi vào hoạt động là Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch; 10 quỹ có quy mô vốn, nguồn thu và nhiệm vụ chi lớn; các quỹ còn lại quy mô nhỏ, phạm vi hoạt động hẹp. [↑](#footnote-ref-48)
49. Gồm: Quỹ Bảo trì đường bộ; Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp; Quỹ hỗ trợ các hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế; Quỹ hỗ trợ vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; Quỹ hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS; Quỹ bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài. [↑](#footnote-ref-49)
50. Gồm: Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam; Quỹ hỗ trợ nông dân; Quỹ bảo vệ môt trường Việt Nam; Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia; Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo; Quỹ dịch vụ viễn thông công ích; Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch; Quỹ bình ổn giá xăng dầu; Quỹ phát triển KH&CN quốc gia; Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; Quỹ phòng, chống thiên tai. [↑](#footnote-ref-50)
51. Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; Nghị định số 90/2022/NĐ-CP ngày 28/10/2022 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng nhà, đất do Bộ Ngoại giao quản lý để phục vụ hoạt động đối ngoại của Nhà nước; [↑](#footnote-ref-51)
52. Thông tư số 35/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là tài sản cố định; Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ Tài chính Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch. [↑](#footnote-ref-52)
53. (i) Nghị định quy định việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý; (ii) Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (thay thế Nghị định 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019); (iii) Nghị định thay thế Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; (iv) Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng NSNN và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp [↑](#footnote-ref-53)
54. Gồm: 291,085 km đường cao tốc; 30.864,694 km đường quốc lộ; 96.612,847 km đường tỉnh; 113.065,673 km đường huyện; 102.690,866 km đường xã; 67.919,617 km đường đô thị; 65.312 km đường chuyên dùng; 53.149,585 km đường nông thôn; 85,328 km đường miền núi. [↑](#footnote-ref-54)
55. Trong đó: Công trình cấp nước tự chảy: 10.142 công trình với diện tích đất 6.768.279 m2, diện tích sàn xây dựng: 3.108.136 m2 và tổng giá trị 12.182 tỷ đồng; Công trình cấp nước sử dụng bơm động lực: 5.349 công trình với diện tích đất 4.939.742 m2, diện tích sàn xây dựng: 2.445.890 m2 với tổng giá trị 21.361 tỷ đồng; Công trình bằng công nghệ hồ treo: 104 công trình với diện tích đất 232.294 m2, diện tích sàn xây dựng: 218.880 m2 và tổng giá trị 981 tỷ đồng; Công trình cấp nước hỗn hợp: 57 công trình với diện tích đất 79.593 m2 diện tích sàn xây dựng: 30.969 m2 và tổng giá trị 283 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-55)
56. Gồm: Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022; Nghị quyết số 11/2022/NQ-CP ngày 30/01/2022, số 63/NĐ-CP ngày 03/5/2022, số 124/NĐ-CP ngày 15/9/2022; các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ; Chỉ thị số 19/CT-TTg ngỳ 17/10/2022; Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các văn bản số 572/VPCP-KTTH ngày 21/01/2022, 1684/VPCP-KTTH ngày 17/3/2022, 1993/VPCP-KTTH ngày 31/3/2022, 106/TB-VPCP ngỳ 09/4/2022... [↑](#footnote-ref-56)
57. Ngày 05/4/2022, ngày 03/8/2022, ngày 26/9/2022. [↑](#footnote-ref-57)
58. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 02/5/2022, 06 Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 đã tích cực tổ chức nhiều đợt kiểm tra, đôn đốc tại các bộ, cơ quan, địa phương có tỷ lệ giải ngân dưới mức trung bình của cả nước vào các tháng 5, 7, 8, 10, 11, 12/2022. [↑](#footnote-ref-58)
59. Trong đó xác định 02 nhóm giải pháp gồm: (i) Rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách; (ii) Tổ chức triển khai quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công. [↑](#footnote-ref-59)
60. Trong đó: Kế hoạch vốn đã giaolà734.197,541 tỷ đồng(vốn trong nước là 694.129,441 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 40.068,1 tỷ đồng); kế hoạch vốn chưa giao là 214,414 tỷ đồng (vốn nước ngoài) [↑](#footnote-ref-60)
61. Bao gồm kế hoạch Thủ tướng Chính phủ đã giao là 580.046,834 tỷ đồng và kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương triển khai tăng so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao là 103.749,290 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-61)
62. Gồm: Bộ Giao thông vận tải, Tổng liên đoàn lao động VN, Bộ Nội vụ, Liên hiệp các hội KH và KT VN, Đài truyền hình VN, Bộ Quốc phòng, Hội Luật gia, Hội nhà văn; Hội nhà báo, BQL làng văn hóa du lịch các DTVN, Ngân hàng phát triển, Ninh Bình, Vĩnh Phúc, Bạc Liêu, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Hà Tĩnh, Lai Châu, Lào Cai, Hậu Giang, Trà Vinh, Tiền Giang [↑](#footnote-ref-62)
63. Như: BQL Khu CNC Láng Hòa Lạc, Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội VHNT Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Bộ Y tế, Văn phòng Chính phủ, TW Đoàn TNCSHCM, Thanh tra Chính phủ, Văn phòng TW Đảng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tòa án NDTC, Bộ tài nguyên và Môi trường, BQL Lăng Chủ tịch HCM, Bộ Tài chính, Học viện Chính trị - Hành chính QGHCM, Văn phòng Quốc hội, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Viện Kiểm sát NDTC, Hà Giang, Đăk Lắk, Cao Bằng, Hòa Bình, Bắc Kạn, Điện Biên, Gia Lai, Phú Yên, Kon Tum, Quảng Bình, Bắc Giang, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế, Quảng Nam, Hải Phòng, Cần Thơ, Tuyên Quang. [↑](#footnote-ref-63)
64. Trong đó: khối bộ, cơ quan trung ương là 6.193 tỷ đồng, chiếm 5,92% tổng giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán, địa phương là 3.104 tỷ đồng, chiếm 1,18% tổng giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán tập đoàn, tổng công ty là 3 tỷ đồng, chiếm 0,04% tổng giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán. [↑](#footnote-ref-64)
65. Trong đó: (i) 04 dự án hoàn thành năm 2022 sản lượng trung bình đạt 77,5% giá trị hợp đồng, chậm 8,0%; (ii) 04 dự án hoàn thành năm 2023 sản lượng trung bình đạt 59,4% giá trị hợp đồng, đáp ứng kế hoạch; (iii) 02 dự án hoàn thành năm 2024 sản lượng trung bình đạt 26,2% giá trị hợp đồng, chậm 4,0%. [↑](#footnote-ref-65)
66. Trong đó 12 gói thầu dự kiến khởi công vào trước ngày 31/12/2022 và 13 gói thầu dự kiến khởi công trước 15/01/2023. Đối với 12 gói thầu dự kiến khởi công trước 31/12/2022, đã mở thầu vào ngày 16/12/2022 và đang đánh giá, thương thảo, ký hợp đồng trước ngày 25/12/2022. [↑](#footnote-ref-66)
67. Trong đó: (i) Từ nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 47.168,586 tỷ đồng; (ii) Từ nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 72.476 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-67)
68. Theo Quyết định số 1487/QĐ-TTg ngày 06/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-68)
69. Gồm: Năm 2018 là 4.500 tỷ đồng, năm 2019 là 6.990 tỷ đồng, năm 2020 là 6.705,035 tỷ đồng, năm 2021 là 4.660 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-69)
70. Gồm: Nghị quyết số 58, 59, 60/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội. [↑](#footnote-ref-70)
71. Gồm: Nghị quyết số 89/NQ-CP, số 90/NQ-CP và số 91/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-71)
72. Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-72)
73. (i) Công văn số 12330/BTC-QLCS ngày 24/11/2022 về việc thực hiện Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 về tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cập huyện, xã; (ii) Công văn số 5058/BTC-QLCS ngày 01/6/2022 về việc đôn đốc xử lý tài sản công sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện giai đoạn 2019-2021; (iii) Công văn số 5899/BTC-QLCS ngày 22/6/2022 về việc thực hiện sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của các doanh nghiệp nhà nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022, Công điện số 478/CĐ-TTg ngày 27/5/2022; (iv) Công điện số 04/CĐ-BTC ngày 28/7/2022 về việc tăng cường công tác sắp xếp lại, xử lý tài sản công. [↑](#footnote-ref-73)
74. Thu tiền sử dụng đất năm 2022 ước cả năm đạt 194,1 nghìn tỷ đồng, vượt 59,1 nghìn tỷ đồng so với dự toán (dự toán 135 nghìn tỷ đồng), tăng 4,7% so với thực hiện năm 2021 góp phần thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách của Nhà nước. [↑](#footnote-ref-74)
75. trong đó có 55 căn biệt thự, tương ứng với diện tích 20.253 m2; 18.272 căn chung cư, tương ứng với diện tích 1.053.559 m2; 56.432 căn liền kề, tương ứng với diện tích 1.312.691 m2 [↑](#footnote-ref-75)
76. trong đó, Quỹ nhà ở công vụ của Chính phủ do Bộ Xây dựng trực tiếp quản lý là 178 căn, tương ứng với diện tích 21.580 m2 (bao gồm: 06 biệt thự, tương ứng với diện tích 2.206 m2; 172 căn chung cư, tương ứng với diện tích 19.374 m2) [↑](#footnote-ref-76)
77. Qua kết quả giám sát của Quốc hội về việc sáp nhập đơn vị hành chính cho thấy việc sắp xếp nhà đất của nhiều bộ, cơ quan Trung ương và địa phương còn rất chậm, gây lãng phí. [↑](#footnote-ref-77)
78. Nghị quyết số 18-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. [↑](#footnote-ref-78)
79. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao và Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. [↑](#footnote-ref-79)
80. Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025. [↑](#footnote-ref-80)
81. 28 tỉnh, thành phố bao gồm: Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lào Cai, Lai Châu, Yên Bái, Điện Biên, Phú Thọ, Nam Định, Ninh Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Phước và Hậu Giang. [↑](#footnote-ref-81)
82. Gồm: Hà Giang, Lạng Sơn, Khánh Hòa, Kon Tum, Đắk Lắk và Lâm Đồng [↑](#footnote-ref-82)
83. Thống kê sơ bộ, năm 2022 các địa phương đã cấp được 678 giấy phép tài nguyên nước các loại. Trong đó cấp phép xả nước thải vào nguồn nước 153 giấy phép (chiếm 22,5%), khai thác sử dụng nước mặt 83 giấy phép (chiếm 12,2%), khai thác sử dụng nước dưới đất 442 giấy phép (chiếm 65,2%) ước thực hiện khoảng 15 tỷ tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. [↑](#footnote-ref-83)
84. cụ thể: công trình thủy điện bao gồm 609 hồ chứa, đập dâng của 551 công trình; công trình thủy lợi bao gồm 33 hồ chứa, đập dâng của 31 công trình [↑](#footnote-ref-84)
85. bao gồm: 20 Giấy phép thăm dò khoáng sản; 29 Giấy phép khai thác khoáng sản; 15 Quyết định phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; 40 Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản [↑](#footnote-ref-85)
86. Gồm: Sơn La: 01 khu, Tuyên Quang: 01 khu, Phú Thọ: 01 khu, Thái Nguyên: 02 khu, Quảng Nam: 02 khu, Gia Lai: 01 khu. Hoàn thành công tác thẩm định 07 hồ sơ phê duyệt khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản gồm các tỉnh: Bà Rịa- Vũng Tàu, Bình Phước, Đắk Nông, Bắc Kạn, Thanh Hóa (cát, sỏi), Yên Bái, Đắk Lắk. [↑](#footnote-ref-86)
87. Theo số liệu Tổng cục Lâm nghiệp: sản lượng gỗ khai thác trên 21,5 triệu m3. [↑](#footnote-ref-87)
88. Gồm: Công ty TNHH Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo; Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh; Trung tâm điện lực Vĩnh Tân, Trung tâm Điện lực Duyên Hải, Trung tâm Điện lực Sông Hậu, Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên [↑](#footnote-ref-88)
89. Nhà máy xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội; Khu xử lý rác xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; khu xử lý chất thải Tây Bắc Củ Chi, TP. HCM; Khu xử lý chất thải Tây Bắc Củ Chi, TP.HCM; khu xử lý rác thải tại xã Xuân Trường, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ; khu xử lý chất thải xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn, xã Tản Lĩnh, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội; khu xử bãi rác Khánh Sơn, Đà Nẵng; khu xử lý xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; khu xử lý rác thải xã Trạm Thản, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ… [↑](#footnote-ref-89)
90. Hiện nay còn 7.666 tổ chức bên trong sở; 8.265 cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và tương đương. [↑](#footnote-ref-90)
91. Trong đó: năm 2022, ở bộ, ngành Trung ương đã giảm 22 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ cấu tổ chức của bộ, ngành; ở địa phương giảm 1.020 đơn vị sự nghiệp công lập. [↑](#footnote-ref-91)
92. Gồm: Bộ Công an, Thanh tra Chính phủ, BH Xã hội Việt Nam, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-92)
93. Gồm: Quốc phòng, Tư pháp, Công Thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Ngoại giao, Ủy ban Dân tộc, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giao thông vận tải, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam. [↑](#footnote-ref-93)
94. Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022. [↑](#footnote-ref-94)
95. Đến nay, Hệ thống đã cập nhật trên 17.000 quy định, trong đó đã công khai trên 12 nghìn quy định, giúp Chính phủ, lãnh đạo các bộ, ngành đánh giá nỗ lực cải cách quy định một cách thực chất, hiệu quả. [↑](#footnote-ref-95)
96. Số liệu thống kê từ Cổng DVC quốc gia; năm 2021 có 2.568 quyết định công bố. [↑](#footnote-ref-96)
97. Trong đó, 3.879 TTHC thực hiện tại bộ, cơ quan Trung ương, 1.387 TTHC thực hiện tại địa phương và 1.763 TTHC thực hiện ở các cơ quan ngành dọc tại địa phương [↑](#footnote-ref-97)
98. Quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-98)
99. Gồm: Trục liên thông văn bản quốc gia, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia NDXP, Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Cổng Dịch vụ công quốc gia. [↑](#footnote-ref-99)
100. Trục liên thông văn bản quốc gia có 17 triệu văn bản điện tử được gửi và nhận.

     - Cổng Dịch vụ công quốc gia: Đã cung cấp 4.345 DVCTT; có hơn 3,9 triệu tài khoản đăng ký hơn 154 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái, hơn 9,2 triệu lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích, hơn 7,4 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; hơn 4 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 3,53 nghìn tỷ đồng; hơn 224 nghìn cuộc gọi tới tổng đài.

     - Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ: Từ khi khai trương đến nay, đã phục vụ 64 phiên họp và xử lý 1.427 Phiếu lấy ý kiến giúp thay thế gần 501 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy.

     - Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Đã có 69/179 chế độ báo cáo các bộ, cơ quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội được tích hợp hoặc nhập liệu trực tiếp trên Hệ thống. Đã kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin báo cáo, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành của 15 bộ, cơ quan, tập đoàn, tổng công ty nhà nước và 63 địa phương để cung cấp thông tin, dữ liệu trực tuyến theo thời gian thực với 210 chỉ tiêu thông tin trực tuyến; kết nối, tương tác trực tuyến với 155 điểm cầu tại Trung tâm phục vụ hành chính công, Trung tâm điều hành của các bộ, ngành, địa phương, các hệ thống camera giám sát các hồ đập thủy điện, cửa khẩu biên giới. Xây dựng, vận hành kho dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp ấn phẩm đồ họa thông tin (infographic) về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ phiên họp Chính phủ thường kỳ hàng tháng. [↑](#footnote-ref-100)
101. Yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ rà soát, hoàn thiện dự thảo Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức, viên chức theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP. Đến nay, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực hoàn thiện 18 dự thảo Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành và định mức biên chế công chức; 13 Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc. [↑](#footnote-ref-101)
102. Đối với cán bộ, công chức cấp xã, hằng năm có trên 72% người được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, đạo đức công vụ; đối với viên chức, hằng năm có khoảng 37% được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; gần 50% viên chức giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo quản lý được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý trước khi bổ nhiệm; hơn 70% viên chức được bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp; cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp. [↑](#footnote-ref-102)
103. Tại Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. [↑](#footnote-ref-103)
104. Như: Thực hiện tăng lương cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức lên mức 1,8 triệu đồng/tháng; tăng 12,5% lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho đối tượng do ngân sách nhà nước bảo đảm và hỗ trợ thêm đối với người nghỉ hưu trước năm 1995 có mức hưởng thấp; tăng mức chuẩn trợ cấp người có công bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn hộ nghèo khu vực thành thị và tăng 20,8% chi các chính sách an sinh xã hội đang gắn với lương cơ sở; thực hiện điều chỉnh tăng phụ cấp ưu đãi nghề đối với cán bộ y tế dự phòng và y tế cơ sở từ ngày 01/01/2023. [↑](#footnote-ref-104)
105. Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp nhà nước ngày 23/4/2022, Hội nghị Thủ tướng với doanh nghiệp với chủ đề “Chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững” ngày 11/8/2022. [↑](#footnote-ref-105)
106. Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 về Kế hoạch sắp xếp lại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025, trong đó đã phê duyệt danh mục doanh nghiệp, lộ trình thực hiện cổ phần hoá, thoái vốn của doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc đến năm 2025 (trong đó gồm 19 doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá, 141 doanh nghiệp thoái vốn). [↑](#footnote-ref-106)
107. Như: Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025; (ii) Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021 – 2025; (iii) Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2022 về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của DNNN, trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước trong phát triển KTXH. [↑](#footnote-ref-107)
108. Công ty TNHH Phà An Giang. [↑](#footnote-ref-108)
109. Như: phương án tái cơ cấu Công ty Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc, Công ty Đạm Ninh Bình và Công ty DAP số 2 Vinachem; phương án xử lý đối với các dự án TISCO và VTM, Nhà máy đóng tàu Dung Quất và Nhà máy Bột giấy Phương Nam. [↑](#footnote-ref-109)
110. Kết quả sản xuất, kinh doanh trong năm 2021, tổng doanh thu 301 tỷ đồng (tăng 49% kế hoạch năm 2021, tăng 182% thực hiện năm 2020); lợi nhuận trước định phí ước đạt 17 tỷ đồng; đến quý I/2022 sản lượng sản xuất sợi DTY là 3.002 tấn (đạt 91% kế hoạch quý I/2022, tăng 49% so với quý I/2021). [↑](#footnote-ref-110)
111. Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy sản xuất phân đạm Hà Bắc; Dự án Nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình và Dự án Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai. [↑](#footnote-ref-111)
112. Lợi nhuận tháng 11 ước đạt 99 tỷ đồng; luỹ kế 11 tháng ước lãi 5.871 tỷ đồng, tăng hiệu quả 4.831 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó: (1) Các đơn vị thuộc Đề án xử lý các tồn tại yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương (Đề án 1468): lợi nhuận luỹ kế 11 tháng ước lãi 2.599 tỷ đồng, tăng hiệu quả 3.400 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021. (2) Các đơn vị không thuộc Đề án 1468: lợi nhuận luỹ kế 11 tháng ước đạt 3.272 tỷ đồng, tăng 1.432 tỷ đồng, tương đương tăng 77% so với cùng kỳ 2021. [↑](#footnote-ref-112)
113. Năm 2022, quy mô thị trường TMĐT bán lẻ Việt Nam ước đạt 16,4 tỷ USD, chiếm 7,5% doanh thu hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng của cả nước. [↑](#footnote-ref-113)
114. Năm 2022, lực lượng quản lý thị trường đã chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng liên quan kiểm tra khoảng 72.641 vụ, phát hiện, xử lý trên 43.964 vụ vi phạm; tổng số tiền thu nộp NSNN 348,2 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-114)
115. Tính đến ngày 30/11/2022 gói hỗ trợ theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 đã giải ngân khoảng 3,74 nghìn tỷ đồng, hỗ trợ cho gần 123 nghìn lượt doanh nghiệp với gần 5,3 triệu lượt lao động. Trong năm 2022, tổng trị giá tiền và quà hỗ trợ cho các đối tượng là hơn 14,4 nghìn tỷ đồng. Trong đó, hỗ trợ cho các đối tượng người có công, thân nhân người có công là 4,7 nghìn tỷ đồng, hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo là 2,4 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ cứu đói các đối tượng bảo trợ xã hội hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 là hơn 2,7 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ tình hình đột biến, bất thường, nổi bật khác phát sinh tại địa phương là gần 4,6 nghìn tỷ đồng. Có gần 29,8 triệu thẻ bảo hiểm xã hội/sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí được phát, tặng cho các đối tượng thụ hưởng. … [↑](#footnote-ref-115)
116. Sơn La (mận, xoài), Lào Cai (trái cây, thủy sản), Hải Dương và Bắc Giang (vải).... [↑](#footnote-ref-116)
117. Tổ chức nhiều hội nghị: Kết nối sản phẩm OCOP vùng ĐBSCL; kết nối chuỗi lúa gạo vùng ĐBSCL; chuỗi thịt và trứng gia cầm vùng ĐNB; không gian giới thiệu sản phẩm OCOP khu vực phía Bắc tại Đồng Tháp... Hội thảo chuyên đề về thủy sản trong khuôn khổ Vietfish, Hội thảo phát triển thương hiệu Gỗ Việt, Hội nghị định hướng phát triển sắn bền vững ở Việt Nam. [↑](#footnote-ref-117)
118. Triển khai Chương trình quảng bá mở cửa du lịch Việt Nam “Live fully in Vietnam” đối với thị trường quốc tế trên trang vietnam.travel; Tổ chức chương trình truyền thông du lịch Việt Nam trên nền tảng số YouTube “Việt Nam: Đi để yêu!” [↑](#footnote-ref-118)
119. Năm 2022, tổng lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam ước đạt 3,5 triệu lượt; khách du lịch nội địa ước đạt 101,3 triệu lượt; tổng thu từ du lịch ước đạt 495 nghìn tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-119)
120. Năm 2023 Bộ Tài chính đã có Quyết định số 24246/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra tài chính năm 2023, trong đó có kế hoạch thanh tra việc chấp hành pháp luật về THTKCLP tại 03 tỉnh, thành phố: Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng. [↑](#footnote-ref-120)
121. Thành lập theo Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày29/01/2022 để kiểm tra, rà soát, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Khánh Hoà và một số tỉnh, thành phố. [↑](#footnote-ref-121)
122. như: công tác quản lý nhà nước về xăng dầu, việc thực hiện Quy hoạch điện VII, việc cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất, đá, cát, sỏi, làm vật liệu san lấp, đắp nền đường) thực hiện các dự án giao thông trọng điểm quốc gia. [↑](#footnote-ref-122)
123. Bao gồm: Kết luận thanh tra số 167/KL-TTCP ngày 14/9/2019 về Dự án mở rộng sản xuất kinh doanh giai đoạn 2- Công ty Gang thép Thái Nguyên; (2) KLTT số 99/KL-TTCP ngày 13/5/2019 thanh tra việc quản lý, sử dụng 2.200 tỷ đồng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trả nợ cho Tập đoàn Công nghiệp Tàu thuỷ Việt Nam và số tiền 4.190 tỷ đồng Chính phủ tạm ứng cho Tập đoàn Công nghiệp Tàu thuỷ Việt Nam tái cơ cấu; (3) KLTT số 539/KL-TTCP ngày 10/4/2020 về Công ty cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc; (4) KLTT số 1325/KL-TTCP ngày 04/8/2020 về Một số nội dung đối với Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 69 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; (5) KLTT số 1037/KL-TTCP ngày 26/6/2019 và Báo cáo số 332/BC-TTCP ngày 09/12/2020 về kết quả kiểm tra sau thanh tra tại Dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm, TP. Hồ Chí Minh; (6) KLTT số 250/KL-TTCP ngày 11/9/2020 về thanh tra việc chuyển đổi đất công có vị trí đắc địa sang mục đích khác, kiểm tra xử lý đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo tại một số dự án ở tỉnh Khánh Hoà. [↑](#footnote-ref-123)
124. Như: Bộ Quốc phòng 2.556 tỷ đồng, Bộ Công an 1.896 tỷ đồng, Bộ Tài chính 328 tỷ đồng, Hà Nội 5.868 tỷ đồng, Vĩnh Phúc 1.855 tỷ đồng, Bình Dương 338 tỷ đồng... [↑](#footnote-ref-124)
125. Qua thanh tra, kiểm tra năm 2022: Phát hiện vi phạm về kinh tế 85.998 tỷ đồng, 8.777 ha đất; kiến nghị thu hồi về NSNN 26.654 tỷ đồng và thu hồi 574 ha đất; xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán do chưa thực hiện đúng quy định và đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét xử lý 59.344 tỷ đồng, 8.203 ha đất.;... [↑](#footnote-ref-125)
126. Cả nước đã thực hiện chuyển dịch gần 20 nghìn ha đất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp; khai thác gần 30 nghìn ha đất chưa sử dụng để phát triển rừng, đưa diện tích đất có rừng lên 15.440 nghìn ha, chiếm 46,59% diện tích đất tự nhiên của cả nước. Kiểm tra xử lý thu hồi, hủy bỏ chủ trương đầu tư đối với các dự án chậm triển khai, chậm đưa đất vào sử dụng với diện tích trên 10 nghìn ha, đã chấn chỉnh hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất, rà soát xử lý tình trạng lãng phí đất đai hoang hóa... [↑](#footnote-ref-126)
127. Các bộ, ngành trung ương giảm 17 tổng cục và tổ chức tương đương, 08 cục thuộc tổng cục và thuộc bộ, 145 vụ/ban thuộc tổng cục và thuộc bộ, 90% phòng trong vụ. Các địa phương giảm 07 sở và 711 tổ chức phòng thuộc cơ quan chuyên môn UBND cấp tỉnh và cấp huyện. Tập trung giải quyết số lượng người dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2022; đến nay, cấp huyện giảm được 361/706 người, đạt 51,1%; cấp xã giải quyết được 6.657/9.705 người, đạt 68,6%; đã giải quyết được 7. 956/8.448 người hoạt động không chuyên ở cấp xã, đạt 94,2%. Tinh giản biên chế, đến nay, cả nước giảm 79.057 người (chiếm tỷ lệ 29,96% so với số biên chế công chức, viên chức giảm giai đoạn 2016 - 2021); trong đó, các bộ, ngành là 5.510 người và địa phương là 73.547 người. [↑](#footnote-ref-127)
128. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 67 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Điều 16 Nghị định số 84/2014 ngày 8/9/2014 của Chính phủ thì Chính phủ báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm và số liệu là báo cáo năm từ ngày 01/01 cho đến ngày 31/12. [↑](#footnote-ref-128)
129. Như: Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, năng lực nội tại, tính tự chủ, khả năng chống chịu của nền kinh tế chưa cao; khu vực kinh tế tư nhan trong nước chưa có nhiều tập đoàn mạnh, quy mô lớn đóng vai trò đầu tàu, dẫn dắt, tổ chức các chuỗi cung ứng, hệ sinh thái sản xuất nội địa; doanh nghiệp chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ, công nghệ sản xuất thấp, phụ thuộc nhập khẩu đầu vào; thu nhập của người dân còn ở mức trung bình thấp, đời sồng của nhân dân còn nhiều khó khăn… [↑](#footnote-ref-129)
130. Các tổ chức tín dụng yếu kém, 8 dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả, Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy, Ngân hàng Phát triển Việt Nam … [↑](#footnote-ref-130)